

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG**



KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI:

**GIẢI PHÁP MỞ RỘNG HOẠT ĐỘNG CHO VAY SẢN XUẤT KINH DOANH
TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG ĐÔNG
- CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG**

Giảng viên hướng dẫn	: Th.S Nguyễn Thị Ngọc
Sinh viên thực hiện	: Nguyễn Võ Bảo Hân
Mã số sinh viên	: 2254020061
Lớp	: 22NH2
Khoá học	: 2022 - 2026

Đà Nẵng, tháng 05 năm 2026

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG**



KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI:

**GIẢI PHÁP MỞ RỘNG HOẠT ĐỘNG CHO VAY SẢN XUẤT KINH DOANH
TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG ĐÔNG
- CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG**

Giảng viên hướng dẫn	: Th.S Nguyễn Thị Ngọc
Sinh viên thực hiện	: Nguyễn Võ Bảo Hân
Mã số sinh viên	: 2254020061
Lớp	: 22NH2
Khoá học	: 2022 - 2026

Đà Nẵng, tháng 05 năm 2026

NHIỆM VỤ KHOÁ LUẬN

1. Thông tin sinh viên

- Họ và tên sinh viên : Nguyễn Võ Bảo Hân
- Ngành học : Tài chính - Ngân hàng
- Trình độ đào tạo : Đại học
- Khoá học : 2022 - 2026

2. Tên đề tài khoá luận tốt nghiệp

Giải pháp mở rộng hoạt động cho vay sản xuất kinh doanh tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng.

3. Các số liệu ban đầu để làm khoá luận

- Tình hình huy động vốn của Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng giai đoạn 2023 - 2025.
- Tình hình hoạt động cho vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng giai đoạn 2023 - 2025.
- Tình hình kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng giai đoạn 2023 - 2025.
- Tình hình cho vay sản xuất kinh doanh của Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng giai đoạn 2023 - 2025.

4. Các bảng biểu, hình vẽ và đồ thị

Xem tại danh mục các bảng biểu và hình vẽ của khoá luận.

5. Giảng viên hướng dẫn

Thạc sĩ Nguyễn Thị Ngọc, Khoa Kinh tế, Ngành Tài chính - Ngân hàng, Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng.

6. Ngày giao nhiệm vụ khoá luận tốt nghiệp

02/03/2026

7. Ngày hoàn thành khoá luận tốt nghiệp

24/05/2026

Giảng viên hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành khoá luận tốt nghiệp này, em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến Quý Thầy Cô đang công tác giảng dạy tại Khoa Kinh tế, Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng. Trong suốt quá trình học tập và rèn luyện tại Trường, em đã nhận được sự giảng dạy tận tâm, định hướng đúng đắn cùng những kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành quý báu, giúp em vận dụng lý thuyết vào thực tiễn và hoàn thiện khoá luận một cách nghiêm túc và đầy đủ.

Em xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến Cô Nguyễn Thị Ngọc, người đã trực tiếp hướng dẫn, theo dõi và đồng hành cùng em trong suốt quá trình thực hiện khoá luận. Với sự tận tình, trách nhiệm và chuyên môn vững vàng, Cô đã luôn dành thời gian hướng dẫn, góp ý chi tiết và kịp thời, giúp em định hướng nội dung, hoàn thiện khoá luận và khắc phục những hạn chế trong quá trình thực hiện. Những chỉ dẫn quý báu của Cô không chỉ giúp em hoàn thành đúng tiến độ mà còn tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm thực tiễn và phương pháp làm việc khoa học.

Em cũng xin bày tỏ lòng biết ơn đến Ban lãnh đạo và các anh/chị tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng, đặc biệt là chị Nguyễn Ngọc Nhung - Chuyên viên khách hàng cá nhân đã hướng dẫn, hỗ trợ và tạo điều kiện để em thực hiện tốt quá trình thực tập. Sự tận tình, nhiệt huyết và chia sẻ kinh nghiệm thực tế của các anh/chị đã giúp em có cái nhìn trực quan về hoạt động Ngân hàng, hiểu rõ hơn về môi trường làm việc chuyên nghiệp và áp dụng kiến thức vào thực tế một cách hiệu quả.

Do thời gian thực tập có hạn, cùng với kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn của bản thân còn nhiều hạn chế, khoá luận khó tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Em rất mong nhận được sự góp ý, chỉ dẫn thêm từ Quý Thầy Cô và các anh/chị tại Ngân hàng để khoá luận được hoàn thiện hơn về nội dung cũng như hình thức.

Em xin chân thành cảm ơn Quý Thầy Cô và toàn thể cán bộ, nhân viên tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng!

NHẬN XÉT CỦA ĐƠN VỊ THỰC TẬP

NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2026

Giảng viên hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

NHIỆM VỤ KHOÁ LUẬN

LỜI CẢM ƠN	i
NHẬN XÉT CỦA ĐƠN VỊ THỰC TẬP	ii
NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN	iv
DANH MỤC BẢNG, BIỂU	ix
DANH MỤC HÌNH VẼ, ĐỒ THỊ	x
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	x
LỜI MỞ ĐẦU	

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG CHO VAY SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI..... 1

1.1. Khái quát về Ngân hàng Thương mại (NHTM)	1
1.1.1. Khái niệm về NHTM	1
1.1.2. Chức năng của NHTM	1
1.1.2.1. Chức năng trung gian tín dụng	1
1.1.2.2. Chức năng trung gian thanh toán	1
1.1.2.3. Chức năng tạo tiền	1
1.1.3. Hoạt động của NHTM	2
1.1.3.1. Hoạt động huy động vốn	2
1.1.3.2. Hoạt động cấp tín dụng	2
1.1.3.3. Hoạt động thanh toán và ngân quỹ	3
1.1.3.4. Các hoạt động khác	3
1.2. Cơ sở lý luận về hoạt động cho vay của NHTM	4
1.2.1. Khái niệm cho vay	4
1.2.2. Phân loại cho vay	4
1.2.2.1. Phân theo thời hạn cho vay	4
1.2.2.2. Phân loại theo khách hàng vay	4
1.2.2.3. Phân loại theo mục đích sử dụng vốn	4
1.2.2.4. Phân loại theo hình thức đảm bảo của khoản vay	5
1.2.2.5. Phân theo phương thức cho vay	5
1.3. Cơ sở lý luận về hoạt động cho vay sản xuất kinh doanh (SXKD) của NHTM	6
1.3.1. Cho vay SXKD	6

1.3.1.1. Khái niệm cho vay SXKD	6
1.3.1.2. Đặc điểm của cho vay SXKD	6
1.3.1.3. Phân loại cho vay SXKD	7
1.3.1.4. Vai trò cho vay SXKD	8
1.4. Cơ sở lý luận về mở rộng hoạt động cho vay SXKD của NHTM	9
1.4.1. Quan điểm mở rộng hoạt động cho vay SXKD	9
1.4.2. Các tiêu chí đánh giá mở rộng hoạt động cho vay SXKD	9
1.4.2.1. Nhóm chỉ tiêu phản ánh quy mô cho vay	9
1.4.2.2. Nhóm chỉ tiêu phản ánh chất lượng cho vay	12
1.4.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến mở rộng hoạt động cho vay SXKD	15
1.4.3.1. Nhân tố thuộc về bản thân Ngân hàng	15
1.4.3.2. Nhân tố thuộc về môi trường hoạt động của Ngân hàng	15
1.4.3.3. Nhân tố thuộc về phía khách hàng	16
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1	16
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CHO VAY SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG ĐÔNG - CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG TRONG GIAI ĐOẠN 2023 - 2025	17
2.1. Giới thiệu về Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng	17
2.1.1. Giới thiệu tổng quan về Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng	17
2.1.2. Lịch sử hình thành và quá trình phát triển của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng	17
2.1.3. Chức năng, nhiệm vụ và sản phẩm của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng	18
2.1.3.1. Chức năng của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng .	18
2.1.3.2. Nhiệm vụ của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng	19
2.1.3.3. Cơ cấu tổ chức, chức năng và nhiệm vụ các phòng ban Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng	19
2.1.4. Tình hình hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn 2023 - 2025	21

2.1.4.1. Tình hình huy động vốn của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn 2023 - 2025	21
2.1.4.2. Tình hình cho vay của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn 2023 - 2025	23
2.2. Thực trạng hoạt động cho vay sản xuất kinh doanh (SXKD) Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng giai đoạn 2023 - 2025	29
2.2.1. Quy định chung về hoạt động cho vay SXKD của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng	29
2.2.1.1. Nguyên tắc cho vay SXKD của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng	29
2.2.1.2. Điều kiện cho vay SXKD của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng	29
2.2.1.3. Quy trình cho vay SXKD của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng	30
2.2.1.4. Sản phẩm cho vay SXKD của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng	31
2.2.2. Thực trạng mở rộng cho vay SXKD của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn 2023 - 2025	33
2.2.2.1. Tình hình cho vay SXKD của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn 2023 - 2025	33
2.2.2.2. Tình hình cho vay SXKD theo đối tượng của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn 2023 - 2025	36
2.2.2.3. Tình hình cho vay SXKD theo thời hạn của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn 2023 - 2025	40
2.2.2.4. Tình hình cho vay SXKD theo hình thức bảo đảm khoản vay của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn 2023 - 2025	44
2.2.2.5. Tỷ lệ sử dụng vốn huy động vào cho vay SXKD của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn 2023 - 2025	48
2.2.2.6. Hệ số thu nợ cho vay SXKD của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn 2023 - 2025	49
2.2.2.7. Vòng quay vốn tín dụng trong cho vay SXKD của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn 2023 - 2025	49

2.3. Đánh giá hoạt động cho vay SXKD của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn 2023 - 2025	51
2.3.1. Kết quả đạt được	51
2.3.2. Hạn chế và nguyên nhân	51
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2	53
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP MỞ RỘNG HOẠT ĐỘNG CHO VAY SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG ĐÔNG - CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG TRONG GIAI ĐOẠN TIẾP THEO	54
3.1. Định hướng phát triển về hoạt động cho vay SXKD tại Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng	54
3.1.1. Định hướng chung của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn tiếp theo	54
3.1.2. Định hướng cho vay SXKD tại Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn tiếp theo	55
3.2. Một số giải pháp nhằm mở rộng hoạt động cho vay SXKD tại Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng	56
3.2.1. Nâng cao hiệu quả kiểm soát nợ xấu trong hoạt động cho vay SXKD	56
3.2.2. Hoàn thiện công tác thẩm định và nâng cao chất lượng đánh giá dòng tiền khách hàng	56
3.2.3. Tăng cường giám sát sau vay và nâng cao hiệu quả cảnh báo rủi ro sớm	57
3.2.4. Nâng cao hiệu quả marketing và mở rộng tìm kiếm khách hàng tiềm năng	58
3.2.5. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ tín dụng và hoàn thiện cơ chế đánh giá hiệu quả công việc	58
3.3. Một số kiến nghị	59
3.3.1. Kiến nghị đối với Ngân hàng Nhà nước (NHNN)	59
3.3.2. Kiến nghị đối với Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng	60
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3	61
KẾT LUẬN	62
PHỤ LỤC	
TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC BẢNG, BIỂU

Tên	Nội dung	Số trang
Bảng 2.1	Tình hình huy động vốn của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn 2023 - 2025	21
Biểu đồ 2.1	Tình hình huy động vốn của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn 2023 - 2025	22
Bảng 2.2	Tình hình cho vay của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn 2023 - 2025	24
Biểu đồ 2.2	Tình hình cho vay của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn 2023 - 2025	24
Bảng 2.3	Tình hình kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn 2023 - 2025	27
Biểu đồ 2.3	Tình hình kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn 2023 - 2025	27
Bảng 2.4	Tình hình cho vay SXKD của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn 2023 - 2025	34
Bảng 2.5	Tình hình cho vay SXKD theo đối tượng của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn 2023 - 2025	36
Bảng 2.6	Tình hình cho vay SXKD theo thời hạn của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn 2023 - 2025	40
Bảng 2.7	Tình hình cho vay SXKD theo hình thức bảo đảm khoản vay của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn 2023 - 2025	44
Bảng 2.8	Tỷ lệ sử dụng vốn huy động vào cho vay SXKD của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn 2023 - 2025	48
Bảng 2.9	Hệ số thu nợ cho vay SXKD của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn 2023 - 2025	49
Bảng 2.10	Vòng quay vốn tín dụng trong cho vay SXKD của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn 2023 - 2025	50

DANH MỤC HÌNH VẼ, ĐỒ THỊ

Tên	Nội dung	Số trang
Hình 2.1	Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng	17
Hình 2.2	Mô hình cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng	19
Hình 2.3	Quy trình cho vay SXKD của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng	31

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Giải thích
1	ATM	Máy rút tiền tự động (Automated Teller Machine)
2	CIC	Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam
3	GPKD	Giấy phép kinh doanh
4	HĐQT	Hội đồng quản trị
5	KHCN	Khách hàng cá nhân
6	KHDN	Khách hàng doanh nghiệp
7	KUNN	Khế ước nhận nợ
8	LTV	Tỷ lệ cho vay trên giá trị tài sản bảo đảm (Loan to Value)
9	LC	Thư tín dụng (Letter of Credit)
10	NHNN	Ngân hàng Nhà nước
11	NHTM	Ngân hàng Thương mại
12	OCB	Orient Commercial Joint Stock Bank
13	QH	Quốc hội
14	SME	Doanh nghiệp nhỏ và vừa (Small and Medium Enterprise)
15	SXKD	Sản xuất kinh doanh
16	TCKT	Tổ chức kinh tế
17	TSDB	Tài sản đảm bảo
18	TMCP	Thương mại cổ phần
19	TT	Thông tư
20	VAMC	Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam
21	VBHN	Văn bản hợp nhất

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Hiện nay, nền kinh tế Việt Nam đang chịu nhiều tác động từ tình hình kinh tế thế giới và những biến động trong nước. Nhiều chủ thể kinh doanh gặp khó khăn về vốn, chi phí tăng cao và thị trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt. Trong bối cảnh đó, nguồn vốn từ Ngân hàng đóng vai trò rất quan trọng trong việc hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh và duy trì sự phát triển của nền kinh tế. Thời gian qua, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã điều hành chính sách tiền tệ theo hướng kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô, đồng thời định hướng dòng vốn tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh. Điều này cho thấy hoạt động cho vay sản xuất kinh doanh ngày càng được quan tâm và ưu tiên trong hệ thống Ngân hàng.

Đối với các Ngân hàng Thương mại, cho vay là hoạt động mang lại nguồn thu nhập chủ yếu. Trong đó, cho vay sản xuất kinh doanh không chỉ giúp Ngân hàng mở rộng thị phần mà còn góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương. Tuy nhiên, hoạt động này cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro, đòi hỏi Ngân hàng phải quản lý và mở rộng một cách phù hợp. Tại Đà Nẵng, đây là nơi có tốc độ phát triển mạnh về thương mại và dịch vụ, nhu cầu vay vốn để sản xuất kinh doanh ngày càng tăng. Nhận thấy tiềm năng này, Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng đã chú trọng triển khai các sản phẩm cho vay phục vụ sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó vẫn còn một số hạn chế cần được đánh giá và cải thiện. Xuất phát từ thực tế trên, em quyết định lựa chọn đề tài “Giải pháp mở rộng hoạt động cho vay sản xuất kinh doanh tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng” làm đề tài nghiên cứu nhằm phân tích thực trạng và đề xuất một số giải pháp phù hợp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng trong thời gian tới.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Mục tiêu chung: Phân tích thực trạng hoạt động cho vay sản xuất kinh doanh của Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn 2023 - 2025. Từ đó, đề xuất các giải pháp mở rộng hoạt động cho vay sản xuất kinh doanh tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn tiếp theo

- Mục tiêu cụ thể:

+ Tổng hợp các cơ sở lý luận về hoạt động cho vay sản xuất kinh doanh

+ Phân tích thực trạng hoạt động cho vay sản xuất kinh doanh của Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn 2023 - 2025

+ Đề xuất các giải pháp mở rộng hoạt động cho vay sản xuất kinh doanh tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn tiếp theo

3. Câu hỏi nghiên cứu

- Cho vay sản xuất kinh doanh là gì? Phân loại cho vay sản xuất kinh doanh? Đặc điểm của cho vay sản xuất kinh doanh? Vai trò của hoạt động cho vay sản xuất kinh doanh? Các chỉ tiêu nào đo lường hoạt động cho vay sản xuất kinh doanh? Các nhân tố nào ảnh hưởng đến hoạt động cho vay sản xuất kinh doanh?

- Thực trạng hoạt động cho vay sản xuất kinh doanh của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng giai đoạn 2023 - 2025 như thế nào?

- Các giải pháp cần thiết nào nhằm mở rộng hoạt động cho vay sản xuất kinh doanh tại Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn tiếp theo?

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Hoạt động cho vay sản xuất kinh doanh

- Phạm vi nghiên cứu: Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng

5. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp nghiên cứu được sử dụng chủ yếu là phương pháp thu thập thông tin và phương pháp phân tích

+ Thông tin thu thập được thông qua quá trình thực tập trực tiếp tại Phòng khách hàng cá nhân, các báo cáo tài chính...

+ Sử dụng các thông tin đã thu thập được kết hợp với phương pháp so sánh, đối chiếu, tổng hợp thông tin, từ đó đưa ra những nhận định về tình hình cho vay sản xuất kinh doanh của Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng

5. Bố cục đề tài

Ngoài Lời cảm ơn, Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo, bố cục của đề tài được chia thành ba chương

Chương 1: Cơ sở lý luận chung về hoạt động cho vay sản xuất kinh doanh của Ngân hàng Thương mại.

Chương 2: Thực trạng hoạt động cho vay sản xuất kinh doanh của Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn 2023 - 2025.

Chương 3: Giải pháp mở rộng hoạt động cho vay sản xuất kinh doanh tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn tiếp theo.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG CHO VAY SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1. Khái quát về Ngân hàng Thương mại (NHTM)

1.1.1. Khái niệm về NHTM

Theo Khoản 23 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 số 32/2024/QH15 định nghĩa: “*Ngân hàng thương mại là loại hình Ngân hàng được thực hiện tất cả hoạt động Ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác theo quy định của Luật này nhằm mục tiêu lợi nhuận*”.

1.1.2. Chức năng của NHTM

1.1.2.1. Chức năng trung gian tín dụng

NHTM là cầu nối giữa những người có vốn dư thừa và những người có nhu cầu về vốn. Thông qua việc huy động, khai thác các khoản vốn tiền tệ tạm thời nhàn rỗi trong nền kinh tế, Ngân hàng hình thành nên quỹ cho vay, cấp tín dụng cho nền kinh tế. Với chức năng này, Ngân hàng vừa đóng vai trò là chủ thể đi vay, vừa đóng vai trò là chủ thể cho vay.

1.1.2.2. Chức năng trung gian thanh toán

Ngân hàng thực hiện chức năng trung gian thanh toán khi thay mặt khách hàng thực hiện các hoạt động thanh toán và thu chi tiền. Cụ thể, Ngân hàng trích tiền từ tài khoản tiền gửi của khách hàng để thanh toán tiền hàng hoá, dịch vụ theo yêu cầu; đồng thời nhận và ghi có vào tài khoản các khoản tiền từ bán hàng hoặc các khoản thu khác. Bên cạnh đó, Ngân hàng còn theo dõi, ghi chép toàn bộ các khoản thu chi trên tài khoản của khách hàng như một “thủ quỹ”, giúp khách hàng quản lý tiền một cách an toàn và thuận tiện.

1.1.2.3. Chức năng tạo tiền

Thông qua chức năng trung gian tín dụng, Ngân hàng sử dụng nguồn vốn huy động để cho vay và khách hàng dùng khoản vay đó để thanh toán, mua hàng hoá và dịch vụ. Nhờ vậy, hệ thống Ngân hàng thương mại góp phần làm tăng tổng phương tiện thanh toán trong nền kinh tế và đáp ứng nhu cầu chi trả của xã hội.

1.1.3. Hoạt động của NHTM

1.1.3.1. Hoạt động huy động vốn

Huy động vốn là hoạt động nền tảng của NHTM, đóng vai trò cung cấp nguồn vốn cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. NHTM được huy động vốn dưới các hình thức sau:

- Nhận tiền gửi của tổ chức, cá nhân và các tổ chức tín dụng khác dưới hình thức tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn và các loại tiền gửi khác.
- Phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu và giấy tờ có giá khác để huy động vốn của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước.
- Vay vốn của các tổ chức tín dụng khác hoạt động tại Việt Nam và của các tổ chức tín dụng nước ngoài.
- Vay vốn ngắn hạn của Ngân hàng Nhà nước.
- Các hình thức huy động vốn khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

1.1.3.2. Hoạt động cấp tín dụng

NHTM được cấp tín dụng cho tổ chức, cá nhân dưới các hình thức cho vay, chiết khấu thương phiếu và giấy tờ có giá khác, bảo lãnh, cho thuê tài chính và các hình thức khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước (NHNN). Trong các hoạt động cấp tín dụng, cho vay là hoạt động quan trọng và chiếm tỷ trọng lớn nhất.

- Cho vay: NHTM được cho các tổ chức, cá nhân vay vốn dưới các hình thức sau
 - + Cho vay ngắn hạn nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và đời sống.
 - + Cho vay trung hạn, dài hạn để thực hiện các dự án đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và đời sống.
- Bảo lãnh: NHTM được bảo lãnh vay, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh đấu thầu và các hình thức bảo lãnh Ngân hàng khác bằng uy tín và bằng khả năng tài chính của mình đối với người nhận bảo lãnh. Mức bảo lãnh đối với một khách hàng và tổng mức bảo lãnh của một NHTM không được vượt quá tỷ lệ so với vốn tự có của NHTM
- Chiết khấu: NHTM được chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đối với tổ chức, cá nhân và có thể tái chiết khấu các thương phiếu và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đối với các tổ chức tín dụng khác.

- Cho thuê tài chính: NHTM được hoạt động cho thuê tài chính nhưng phải thành lập công ty cho thuê tài chính riêng. Việc thành lập, tổ chức và hoạt động của công ty cho thuê tài chính thực hiện theo Nghị định của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của công ty cho thuê tài chính

Ngoài ra, NHTM còn có hoạt động bao thanh toán, tài trợ xuất nhập khẩu, thanh toán quốc tế, môi giới đầu tư chứng khoán.

1.1.3.3. Hoạt động thanh toán và ngân quỹ

Hoạt động dịch vụ thanh toán và ngân quỹ của NHTM bao gồm các hoạt động sau:

- Cung cấp các phương tiện thanh toán
- Thực hiện các dịch vụ thanh toán trong nước cho khách hàng
- Thực hiện dịch vụ thu hộ và chi hộ
- Thực hiện các dịch vụ thanh toán khác theo quy định của NHNN
- Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế khi được NHNN cho phép
- Thực hiện dịch vụ thu và phát tiền mặt cho khách hàng
- Tổ chức hệ thống thanh toán nội bộ và tham gia hệ thống thanh toán liên Ngân hàng trong nước
- Tham gia hệ thống thanh toán quốc tế khi được NHNN cho phép.

1.1.3.4. Các hoạt động khác

- Góp vốn và mua cổ phần: NHTM được dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp và các tổ chức tín dụng khác trong nước theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, NHTM còn được góp vốn, mua cổ phần và liên doanh với Ngân hàng nước ngoài để thành lập Ngân hàng liên doanh.
- Tham gia thị trường tiền tệ: NHTM được tham gia thị trường tiền tệ, theo quy định của NHNN, thông qua các hình thức mua bán các công cụ của thị trường tiền tệ.
- Kinh doanh ngoại hối: NHTM được phép trực tiếp kinh doanh hoặc thành lập công ty trực thuộc để kinh doanh ngoại hối và vàng trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế.
- Ủy thác và nhận ủy thác: NHTM được ủy thác, nhận ủy thác làm đại lý trong các lĩnh vực liên quan đến hoạt động Ngân hàng, kể cả việc quản lý tài sản, vốn đầu tư của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo hợp đồng ủy thác, đại lý.

- Cung ứng dịch vụ bảo hiểm: NHTM được cung ứng dịch vụ bảo hiểm, được thành lập công ty trực thuộc hoặc liên doanh để kinh doanh bảo hiểm theo quy định của pháp luật.
- Tư vấn tài chính: NHTM được cung ứng các dịch vụ tư vấn tài chính, tiền tệ cho khách hàng dưới hình thức tư vấn trực tiếp hoặc thành lập công ty tư vấn trực thuộc Ngân hàng.
- Bảo quản vật quý giá: NHTM được thực hiện các dịch vụ bảo quản vật quý, giấy tờ có giá, cho thuê tủ két, cầm đồ và các dịch vụ khác có liên quan theo quy định của pháp luật

1.2. Cơ sở lý luận về hoạt động cho vay của NHTM

1.2.1. Khái niệm cho vay

Theo Khoản 7 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 số 32/2024/QH15 định nghĩa: *“Cho vay là hình thức cấp tín dụng thông qua việc bên cho vay giao hoặc cam kết giao cho khách hàng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định, trong một thời gian nhất định, theo nguyên tắc có hoàn trả đầy đủ tiền gốc, lãi theo thỏa thuận cho bên cho vay”*.

1.2.2. Phân loại cho vay

1.2.2.1. Phân theo thời hạn cho vay

- Cho vay ngắn hạn là các khoản vay có thời hạn cho vay tối đa 01 năm.
- Cho vay trung hạn là các khoản vay có thời hạn cho vay trên 01 năm và tối đa 05 năm.
- Cho vay dài hạn là các khoản vay có thời hạn cho vay trên 05 năm.

1.2.2.2. Phân loại theo khách hàng vay

- Cho vay khách hàng doanh nghiệp: Là khoản cho vay áp dụng đối với khách hàng là các tổ chức kinh tế.
- Cho vay khách hàng cá nhân: Là khoản cho vay áp dụng đối với khách hàng là các cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác.

1.2.2.3. Phân loại theo mục đích sử dụng vốn

- Cho vay sản xuất kinh doanh: Là loại hình cho vay của tổ chức tín dụng đối với các dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh, dịch vụ của các cá nhân, tổ chức như cho vay công nghiệp, cho vay thương mại, cho vay nông nghiệp...để thực hiện, duy trì và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh

- Cho vay tiêu dùng: Là khoản cho vay để tài trợ cho việc tiêu dùng nhằm giúp người tiêu dùng có thể sử dụng hàng hoá dịch vụ trước khi họ có khả năng chi trả, tạo điều kiện cho người vay được hưởng mức sống cao hơn. Đối tượng được vay là các cá nhân và hộ gia đình vay để phục vụ cho mục đích mua nhà, mua phương tiện đi lại, trang bị nội thất, chi phí học tập, y tế...

1.2.2.4. Phân loại theo hình thức đảm bảo của khoản vay

- Cho vay đảm bảo bằng tài sản: Là loại cho vay dựa trên cơ sở có bảo đảm như cầm cố, thế chấp, hoặc phải có bảo đảm bằng tài sản của bên thứ ba.
- Cho vay đảm bảo không bằng tài sản: Là hình thức cho vay mà Ngân hàng không yêu cầu khách hàng phải thế chấp hoặc cầm cố tài sản. Việc cấp tín dụng trong trường hợp này chủ yếu dựa trên uy tín, năng lực tài chính và khả năng tạo ra dòng tiền của khách hàng. Theo đó, Ngân hàng sẽ xem xét lịch sử tín dụng, tình hình tài chính và hiệu quả hoạt động kinh doanh để đánh giá khả năng trả nợ. Bên cạnh đó, khoản vay vẫn được bảo đảm thông qua các cam kết pháp lý trong hợp đồng tín dụng và các biện pháp kiểm soát rủi ro khác.

1.2.2.5. Phân theo phương thức cho vay

- Cho vay từng lần: Ngân hàng và khách hàng ký hợp đồng cho từng khoản vay cụ thể. Ngân hàng giải ngân một lần hoặc nhiều lần và thu gốc, lãi theo kỳ hạn đã thoả thuận. Trong quá trình vay, Ngân hàng kiểm soát mục đích sử dụng vốn và có thể thu nợ trước hạn nếu khách hàng vi phạm hợp đồng.
- Cho vay theo hạn mức tín dụng: Ngân hàng thoả thuận cấp cho khách hàng một hạn mức tín dụng tối đa trong một thời gian nhất định. Khách hàng có thể vay và trả nhiều lần trong phạm vi hạn mức này dựa trên nhu cầu vốn sản xuất kinh doanh.
- Cho vay trong hạn mức: Khách hàng vay và trả nhiều lần nhưng tổng dư nợ tại mọi thời điểm không vượt quá hạn mức tín dụng đã được Ngân hàng cấp.
- Cho vay ngoài hạn mức: Trong một số trường hợp, dư nợ trong kỳ có thể vượt hạn mức nhưng đến cuối kỳ khách hàng phải trả nợ để dư nợ không vượt quá hạn mức đã quy định.
- Cho vay thấu chi: Ngân hàng cho phép khách hàng chi vượt số dư trên tài khoản thanh toán trong một hạn mức và thời gian nhất định. Đây là hình thức tín dụng ngắn hạn, thủ tục đơn giản, thường áp dụng với khách hàng có uy tín và thu nhập ổn định.

- Cho vay luân chuyển: Ngân hàng cho vay dựa trên quá trình luân chuyển hàng hoá, thường áp dụng với doanh nghiệp thương mại hoặc sản xuất có chu kỳ kinh doanh ngắn. Ngân hàng giải ngân khi mua hàng và thu nợ khi hàng hoá được bán ra.
- Cho vay trả góp: Ngân hàng cho phép khách hàng trả nợ gốc thành nhiều lần trong thời hạn vay. Hình thức này thường áp dụng cho các khoản vay trung và dài hạn để mua tài sản có giá trị lớn.

1.3. Cơ sở lý luận về hoạt động cho vay sản xuất kinh doanh (SXKD) của NHTM

1.3.1. Cho vay SXKD

1.3.1.1. Khái niệm cho vay SXKD

Theo khoản 5 Điều 2 Văn bản hợp nhất 21/VBHN-NHNN năm 2024: “*Cho vay phục vụ hoạt động kinh doanh, hoạt động khác (sau đây gọi là hoạt động kinh doanh) là việc tổ chức tín dụng cho vay đối với khách hàng là pháp nhân, cá nhân nhằm đáp ứng nhu cầu vốn ngoài quy định tại khoản 4 Điều này, bao gồm nhu cầu vốn của pháp nhân, cá nhân đó và nhu cầu vốn của hộ kinh doanh, doanh nghiệp tư nhân mà cá nhân đó là chủ.*”

Từ quy định trên, có thể hiểu cho vay SXKD là hình thức cấp tín dụng, theo đó bên cho vay giao hoặc cam kết giao cho khách hàng một khoản tiền để sử dụng vào các mục đích phục vụ hoạt động SXKD như đầu tư tài sản cố định hoặc bổ sung vốn lưu động trong một thời gian nhất định theo thoả thuận, với nguyên tắc có hoàn trả đầy đủ cả gốc và lãi.

1.3.1.2. Đặc điểm của cho vay SXKD

Cho vay SXKD là hình thức cấp tín dụng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho các hoạt động tạo ra thu nhập như sản xuất, buôn bán hoặc cung cấp dịch vụ. Khoản vay này có thể được sử dụng để bổ sung vốn lưu động, chẳng hạn như mua nguyên vật liệu, nhập hàng hoá hoặc chi trả chi phí vận hành hằng ngày. Đồng thời, khách hàng cũng có thể sử dụng vốn vay để đầu tư dài hạn như mua máy móc, thiết bị hoặc mở rộng quy mô kinh doanh. Như vậy, mục tiêu cốt lõi của loại hình cho vay này là giúp khách hàng duy trì hoạt động và gia tăng lợi nhuận.

Đối tượng của cho vay SXKD bao gồm cá nhân, hộ gia đình, hộ kinh doanh và doanh nghiệp. Điểm chung của các đối tượng này là đều có hoạt động kinh doanh cụ thể và cần vốn để phục vụ hoạt động đó. Tuy nhiên, mỗi nhóm khách hàng lại có đặc

điểm khác nhau về quy mô, năng lực tài chính và mức độ rủi ro, nên ngân hàng phải áp dụng các điều kiện và chính sách cho vay phù hợp để kiểm soát rủi ro.

Một đặc điểm rất quan trọng là khả năng trả nợ của khách hàng phụ thuộc chủ yếu vào kết quả hoạt động SXKD. Cụ thể, nguồn trả nợ được hình thành từ doanh thu và lợi nhuận mà khách hàng tạo ra sau khi sử dụng vốn vay. Điều này khiến cho khoản vay có tính rủi ro cao hơn so với cho vay tiêu dùng, vì nếu hoạt động kinh doanh không hiệu quả hoặc gặp khó khăn thì dòng tiền bị gián đoạn, dẫn đến khả năng trả nợ giảm.

Ngoài ra, hiệu quả SXKD và khả năng trả nợ của khách hàng còn chịu ảnh hưởng mạnh từ các yếu tố bên ngoài như biến động thị trường, giá nguyên vật liệu, mức độ cạnh tranh và tình hình kinh tế chung. Những yếu tố này có thể làm thay đổi doanh thu và chi phí của khách hàng, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng trả nợ. Vì vậy, Ngân hàng không chỉ xem xét khách hàng tại thời điểm cho vay mà còn phải theo dõi, đánh giá liên tục trong suốt quá trình vay để hạn chế rủi ro tín dụng.

1.3.1.3. Phân loại cho vay SXKD

a. Căn cứ vào thời hạn cho vay SXKD

- Cho vay SXKD ngắn hạn: Là khoản vay có thời hạn không quá 12 tháng, thường được sử dụng để bổ sung vốn lưu động, mua nguyên vật liệu, hàng hoá hoặc chi trả các chi phí phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Cho vay SXKD trung hạn: Là khoản vay có thời hạn từ trên 12 tháng đến 60 tháng, thường được sử dụng để đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị hoặc cải tiến kỹ thuật trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Cho vay SXKD dài hạn: Là khoản vay có thời hạn trên 60 tháng, thường nhằm phục vụ đầu tư xây dựng nhà xưởng, mở rộng quy mô sản xuất hoặc thực hiện các dự án kinh doanh dài hạn.

b. Căn cứ vào hình thức đảm bảo của khoản vay SXKD

- Cho vay SXKD đảm bảo bằng tài sản: Là hình thức cho vay mà khách hàng phải sử dụng tài sản liên quan trực tiếp đến sản xuất, kinh doanh như máy móc, kho nguyên vật liệu, bất động sản của doanh nghiệp hoặc bảo lãnh tài sản của bên thứ ba để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ. Hình thức này giúp Ngân hàng giảm rủi ro tín dụng, đồng thời cho phép khách hàng tiếp cận vốn lớn hơn nhằm mở rộng sản xuất, mua nguyên vật liệu

hoặc nâng cấp thiết bị. Ngân hàng sẽ định giá tài sản bảo đảm, theo dõi quá trình sử dụng vốn và đảm bảo khoản vay được sử dụng đúng mục đích SXKD.

- Cho vay SXKD đảm bảo không bằng tài sản: Là hình thức cho vay mà Ngân hàng không yêu cầu khách hàng thế chấp tài sản, mà chủ yếu dựa trên uy tín, năng lực tài chính và khả năng tạo ra dòng tiền từ hoạt động SXKD. Ngân hàng sẽ đánh giá tình hình sản xuất, hợp đồng kinh doanh, doanh thu và lợi nhuận của khách hàng để quyết định hạn mức cho vay. Vì rủi ro cao hơn, Ngân hàng thường áp dụng các biện pháp kiểm soát chặt chẽ như giám sát dòng tiền, yêu cầu báo cáo định kỳ và ký kết hợp đồng pháp lý đảm bảo quyền lợi.

c. Căn cứ vào mục đích vay SXKD

- Cho vay bổ sung vốn lưu động: Là khoản vay nhằm đáp ứng nhu cầu vốn thiếu hụt trong quá trình SXKD như thanh toán tiền nguyên vật liệu, hàng hoá hoặc các chi phí cần thiết khác.

- Cho vay đầu tư tài sản cố định: Là khoản vay nhằm phục vụ việc mua sắm máy móc, trang thiết bị hoặc đầu tư các tài sản có giá trị lớn phục vụ hoạt động SXKD.

d. Căn cứ vào phương thức cho vay SXKD

- Cho vay từng lần: Là hình thức cho vay mà mỗi lần vay khách hàng phải thực hiện thủ tục vay vốn riêng và Ngân hàng sẽ giải ngân theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể.

- Cho vay theo hạn mức tín dụng: Là hình thức cho vay mà Ngân hàng cấp cho khách hàng một hạn mức tín dụng trong một khoảng thời gian nhất định, khách hàng có thể vay và trả nhiều lần nhưng dư nợ không vượt quá hạn mức đã được cấp.

- Cho vay thấu chi: Là hình thức cho vay mà Ngân hàng cho phép khách hàng chi vượt số tiền có trong tài khoản thanh toán đến một giới hạn nhất định trong thời gian đã thoả thuận.

- Cho vay luân chuyển: Là hình thức cho vay dựa trên sự luân chuyển của hàng hoá trong quá trình SXKD. Ngân hàng cấp vốn để khách hàng mua hàng và thu nợ khi hàng hoá được tiêu thụ.

- Cho vay trả góp: Là hình thức cho vay mà khách hàng phải trả nợ gốc thành nhiều kỳ trong thời hạn vay theo thoả thuận giữa khách hàng và Ngân hàng.

1.3.1.4. Vai trò cho vay SXKD

- Đối với nền kinh tế: Cho vay SXKD góp phần thúc đẩy hoạt động sản xuất, mở rộng thương mại và dịch vụ, từ đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Đồng thời, nguồn vốn tín

dụng giúp khai thác hiệu quả các nguồn lực như lao động, đất đai và tài nguyên, tạo thêm việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động.

- Đối với NHTM: Cho vay SXKD là một trong những hoạt động tín dụng quan trọng, mang lại nguồn thu nhập chủ yếu từ lãi vay cho Ngân hàng. Đồng thời, hoạt động này còn giúp Ngân hàng mở rộng quan hệ khách hàng và phát triển các dịch vụ Ngân hàng khác.

- Đối với khách hàng: Cho vay SXKD giúp khách hàng bổ sung nguồn vốn để thực hiện các phương án kinh doanh, mở rộng quy mô sản xuất và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Nhờ đó, khách hàng có thể tận dụng cơ hội đầu tư và phát triển hoạt động kinh doanh.

1.4. Cơ sở lý luận về mở rộng hoạt động cho vay SXKD của NHTM

1.4.1. Quan điểm mở rộng hoạt động cho vay SXKD

Mở rộng hoạt động cho vay SXKD là việc NHTM gia tăng quy mô cho vay đối với hoạt động SXKD trên cơ sở kiểm soát rủi ro và đảm bảo khả năng sinh lời, phù hợp với mục tiêu và chiến lược kinh doanh của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Việc mở rộng cho vay không chỉ thể hiện ở sự gia tăng dư nợ mà quan trọng hơn là sự gia tăng doanh số cho vay thực tế và phạm vi đối tượng khách hàng. Đồng thời, hoạt động này còn gắn liền với việc nâng cao chất lượng tín dụng, thể hiện qua khả năng thu hồi nợ tốt, kiểm soát tỷ lệ nợ xấu và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Sự gia tăng dư nợ chỉ có ý nghĩa phản ánh mở rộng khi xuất phát từ việc gia tăng cho vay thực chất, không phải do suy giảm khả năng thu hồi nợ.

1.4.2. Các tiêu chí đánh giá mở rộng hoạt động cho vay SXKD

1.4.2.1. Nhóm chỉ tiêu phản ánh quy mô cho vay

a. Doanh số cho vay SXKD

Doanh số cho vay SXKD phản ánh tổng số tiền Ngân hàng giải ngân cho khách hàng nhằm phục vụ hoạt động SXKD trong một năm. Chỉ tiêu này cho thấy quy mô và mức độ mở rộng của hoạt động cho vay SXKD tại Ngân hàng; doanh số cho vay càng lớn chứng tỏ hoạt động cho vay trong lĩnh vực này càng được đẩy mạnh. Đồng thời, sự biến động của doanh số qua các năm còn phản ánh xu hướng tăng trưởng và mức độ phát triển của hoạt động cho vay SXKD, qua đó cho thấy định hướng và mức độ ưu tiên của Ngân hàng đối với lĩnh vực này.

- Chỉ tiêu phản ánh tỷ trọng doanh số cho vay SXKD

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ trọng doanh số} \\ \text{cho vay SXKD} \end{array} = \frac{\text{Doanh số cho vay SXKD}}{\text{Tổng doanh số cho vay}} \times 100\%$$

- Chỉ tiêu phản ánh sự tăng trưởng về doanh số cho vay SXKD

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ lệ tăng trưởng doanh} \\ \text{số cho vay SXKD} \end{array} = \frac{\text{Mức tăng/giảm doanh số cho vay SXKD}}{\text{Doanh số cho vay SXKD năm t-1}} \times 100\%$$

Trong đó:

$$\begin{array}{l} \text{Mức tăng/giảm doanh số} \\ \text{cho vay SXKD} \end{array} = \frac{\text{Doanh số cho vay}}{\text{SXKD năm t}} - \frac{\text{Doanh số cho vay SXKD}}{\text{năm t-1}}$$

b. Doanh số thu nợ cho vay SXKD

Doanh số thu nợ cho vay SXKD phản ánh tổng số tiền mà Ngân hàng thu hồi được từ các khoản cho vay phục vụ hoạt động SXKD trong một năm. Chỉ tiêu này cho thấy khả năng thu hồi vốn và mức độ luân chuyển vốn của Ngân hàng trong lĩnh vực cho vay sản xuất kinh doanh, doanh số thu nợ càng lớn chứng tỏ hiệu quả thu hồi nợ càng cao. Đồng thời, sự biến động của doanh số thu nợ qua các năm còn phản ánh xu hướng thu hồi vốn và mức độ ổn định trong hoạt động cho vay SXKD, qua đó góp phần đánh giá hiệu quả và chất lượng tín dụng của Ngân hàng đối với lĩnh vực này.

- Chỉ tiêu phản ánh tỷ trọng doanh số thu nợ cho vay SXKD

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ trọng doanh số thu} \\ \text{nợ cho vay SXKD} \end{array} = \frac{\text{Doanh số thu nợ cho vay SXKD}}{\text{Tổng doanh số thu nợ}} \times 100\%$$

- Chỉ tiêu phản ánh sự tăng trưởng về doanh số thu nợ cho vay SXKD

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ lệ tăng trưởng doanh} \\ \text{số thu nợ cho vay} \\ \text{SXKD} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Mức tăng/giảm doanh số thu nợ cho vay} \\ \text{SXKD} \end{array}}{\text{Doanh số thu nợ cho vay SXKD năm t-1}} \times 100\%$$

Trong đó:

$$\begin{array}{l} \text{Mức tăng/giảm doanh số thu} \\ \text{nợ cho vay SXKD} \end{array} = \frac{\text{Doanh số thu nợ cho}}{\text{vay SXKD năm t}} - \frac{\text{Doanh số thu nợ cho vay}}{\text{SXKD năm t-1}}$$

c. **Dư nợ cuối kỳ cho vay SXKD**

Dư nợ cuối kỳ cho vay SXKD phản ánh tổng số tiền mà khách hàng còn nợ Ngân hàng tại thời điểm cuối năm đối với các khoản vay phục vụ hoạt động SXKD. Chỉ tiêu này cho thấy quy mô vốn tín dụng mà Ngân hàng đang duy trì trong lĩnh vực cho vay SXKD, dư nợ càng lớn chứng tỏ quy mô cho vay trong lĩnh vực này càng cao. Đồng thời, sự biến động của dư nợ qua các năm còn phản ánh xu hướng thay đổi quy mô tín dụng và mức độ mở rộng hoặc thu hẹp hoạt động cho vay SXKD của Ngân hàng, qua đó cho thấy định hướng phát triển tín dụng của Ngân hàng đối với lĩnh vực này.

- Chỉ tiêu phản ánh tỷ trọng dư nợ cuối kỳ cho vay SXKD

$$\text{Tỷ trọng dư nợ cuối kỳ cho vay SXKD} = \frac{\text{Dư nợ cuối kỳ cho vay SXKD}}{\text{Tổng dư nợ cuối kỳ}} \times 100\%$$

- Chỉ tiêu phản ánh sự tăng trưởng về dư nợ cuối kỳ cho vay SXKD

$$\text{Tỷ lệ tăng trưởng dư nợ cuối kỳ cho vay SXKD} = \frac{\text{Mức tăng/giảm dư nợ cuối kỳ cho vay SXKD}}{\text{Dư nợ cuối kỳ cho vay SXKD năm t-1}} \times 100\%$$

Trong đó:

$$\text{Mức tăng/giảm dư nợ cuối kỳ cho vay SXKD} = \text{Dư nợ cuối kỳ cho vay SXKD năm } t - \text{Dư nợ cuối kỳ cho vay SXKD năm } t-1$$

d. **Tỷ lệ sử dụng vốn huy động vào cho vay SXKD**

Ngoài các chỉ tiêu đánh giá quy mô cho vay, để xem xét mức độ sử dụng vốn huy động cho hoạt động cho vay SXKD, cần sử dụng thêm chỉ tiêu dư nợ cuối kỳ cho vay SXKD trên tổng huy động vốn. Chỉ tiêu này giúp phản ánh khả năng cân đối giữa nguồn vốn huy động và sử dụng vốn, từ đó gián tiếp đánh giá mức độ an toàn thanh khoản của Ngân hàng.

$$\text{Tỷ lệ sử dụng vốn huy động vào cho vay SXKD} = \frac{\text{Dư nợ cuối kỳ cho vay SXKD}}{\text{Tổng huy động vốn}} \times 100\%$$

Tỷ lệ dư nợ cuối kỳ cho vay SXKD trên tổng huy động vốn cho thấy Ngân hàng đã sử dụng bao nhiêu phần vốn huy động để cho vay SXKD. Chỉ tiêu này giúp đánh giá mức độ khai thác vốn của Ngân hàng rằng Ngân hàng đã dùng vốn hiệu quả hay chưa. Tuy nhiên, tỷ lệ cao không hẳn là tốt. Nếu Ngân hàng cho vay nhiều mà không kiểm

soát nợ xấu, vốn huy động dù được sử dụng nhiều nhưng có thể không thu hồi được thì rủi ro sẽ tăng. Vì vậy cần xem kết hợp với tỷ lệ nợ xấu để đánh giá thực chất hiệu quả cho vay. Ngoài ra còn phải cân nhắc cơ cấu nguồn vốn. Nếu Ngân hàng dùng vốn ngắn hạn để cho vay dài hạn, áp lực thanh khoản sẽ cao, còn nếu vốn đủ nhưng nợ xấu tăng thì cũng không tốt. Nói cách khác, việc đổ vốn vào cho vay SXKD chỉ thực sự có ý nghĩa khi vừa sử dụng vốn hiệu quả, vừa kiểm soát nợ xấu, vừa đảm bảo nguồn vốn đủ và an toàn.

1.4.2.2. Nhóm chỉ tiêu phản ánh chất lượng cho vay

a. Hệ số thu nợ cho vay SXKD

Hệ số thu nợ trong cho vay SXKD phản ánh mối quan hệ giữa doanh số thu nợ và doanh số cho vay, qua đó cho thấy mức độ thu hồi vốn của Ngân hàng trong kỳ. Chỉ tiêu này cho biết với mỗi đồng vốn cho vay SXKD, Ngân hàng thu hồi được bao nhiêu đồng nợ. Hệ số thu nợ càng cao chứng tỏ khả năng thu hồi vốn càng tốt, dòng tiền tín dụng được luân chuyển hiệu quả và chất lượng hoạt động cho vay được đảm bảo. Ngược lại, nếu hệ số này ở mức thấp có thể phản ánh tình trạng thu hồi nợ chậm, tiềm ẩn rủi ro tín dụng và ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn của Ngân hàng.

$$\text{Hệ số thu nợ cho vay SXKD} = \frac{\text{Doanh số thu nợ cho vay SXKD}}{\text{Doanh số cho vay SXKD}}$$

b. Nợ quá hạn, nợ xấu cho vay SXKD

Về nợ quá hạn:

Căn cứ khoản 3 Điều 3 Thông tư 31/2024/TT-NHNN định nghĩa: “*Nợ quá hạn là khoản nợ mà khách hàng không trả được đúng hạn một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi theo thoả thuận với Ngân hàng, tổ chức tín dụng phi Ngân hàng. Đối với khoản cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng, khoản nợ quá hạn là khoản nợ mà khách hàng sử dụng thẻ không trả được nghĩa vụ trả nợ đến hạn thanh toán của mình theo thoả thuận phát hành, sử dụng, thanh toán thẻ tín dụng với Ngân hàng, tổ chức tín dụng phi Ngân hàng.*”

- Chỉ tiêu phản ánh tỷ lệ nợ quá hạn cho vay SXKD

$$\text{Tỷ lệ nợ quá hạn cho vay SXKD} = \frac{\text{Nợ quá hạn cho vay SXKD}}{\text{Dư nợ cuối kỳ cho vay SXKD}} \times 100\%$$

Việc xác định tỷ lệ nợ quá hạn sẽ giúp hỗ trợ đánh giá chất lượng cho vay SXKD của Ngân hàng, nó phản ánh những khoản cho vay SXKD có khả năng hoàn trả kém. Nếu tỷ lệ nợ quá hạn thấp chứng tỏ tình hình cho vay SXKD của Ngân hàng là tốt. Ngược lại, nếu tỷ lệ này cao thì Ngân hàng cần có những biện pháp kiểm soát nợ quá hạn, hạn chế những rủi ro có thể mất vốn do những khoản nợ quá hạn gây ra.

Về nợ xấu:

Theo Khoản 5 Điều 3 Thông tư 31/2024/TT-NHNN định nghĩa: "*Nợ xấu là nợ xấu đang hạch toán trong bảng cân đối kế toán (nợ xấu nội bảng), gồm nợ thuộc các nhóm 3, 4 và 5.*". Các nhóm nợ được phân loại như sau:

+ Nhóm 1 (Nợ đủ tiêu chuẩn): Khoản nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn. Khoản nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn.

+ Nhóm 2 (Nợ cần chú ý): Khoản nợ quá hạn đến 90 ngày.

+ Nhóm 3 (Nợ dưới tiêu chuẩn): Khoản nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày.

+ Nhóm 4 (Nợ nghi ngờ): Khoản nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày.

+ Nhóm 5 (Nợ có khả năng mất vốn): Khoản nợ quá hạn trên 360 ngày.

- Chỉ tiêu phản ánh tỷ lệ nợ xấu cho vay SXKD

$$\text{Tỷ lệ nợ xấu cho vay SXKD} = \frac{\text{Nợ xấu cho vay SXKD}}{\text{Dư nợ cuối kỳ cho vay SXKD}} \times 100\%$$

Thông thường các khoản nợ xấu này được xử lý bằng cách trích lập dự phòng để xóa nợ. Chỉ tiêu này càng thấp thể hiện chất lượng cho vay SXKD ngày càng được nâng cao, rủi ro của các khoản cho vay SXKD ngày càng được giảm nhiều.

- Chỉ tiêu phản ánh tốc độ gia tăng nợ xấu cho vay SXKD

$$\text{Tốc độ gia tăng nợ xấu cho vay SXKD} = \frac{\text{Mức tăng/giảm nợ xấu cho vay SXKD}}{\text{Nợ xấu cho vay SXKD năm t-1}} \times 100\%$$

Trong đó:

$$\text{Mức tăng/giảm nợ xấu cho vay SXKD} = \frac{\text{Nợ xấu cho vay SXKD năm t} - \text{Nợ xấu cho vay SXKD năm t-1}}{\text{Nợ xấu cho vay SXKD năm t-1}}$$

Chỉ tiêu tốc độ gia tăng nợ xấu trong cho vay SXKD phản ánh sự thay đổi của nợ xấu theo thời gian, từ đó giúp đánh giá xu hướng rủi ro tín dụng của Ngân hàng. Nếu chỉ nhìn vào tỷ lệ nợ xấu tại một thời điểm thì chưa đủ, vì nó chỉ cho biết tình hình hiện tại mà không cho thấy nợ xấu đang tăng hay giảm. Do đó, việc kết hợp với tốc độ gia tăng nợ xấu sẽ giúp nhìn rõ xu hướng biến động. Khi chỉ tiêu này tăng, nợ xấu có xu hướng gia tăng, cho thấy rủi ro tín dụng cao hơn và chất lượng cho vay SXKD giảm. Ngược lại, khi chỉ tiêu giảm sẽ cho thấy Ngân hàng đang kiểm soát nợ xấu tốt hơn và chất lượng tín dụng được cải thiện. Nhìn chung, chỉ tiêu này càng thấp càng phản ánh hiệu quả quản lý nợ xấu của Ngân hàng càng cao.

Việc phân tích tốc độ gia tăng nợ xấu trong cho vay SXKD được ưu tiên hơn so với nợ quá hạn vì nợ xấu phản ánh rõ ràng mức độ rủi ro tín dụng thực sự của Ngân hàng. Nợ xấu là các khoản vay đã có dấu hiệu mất khả năng thu hồi vốn, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng tín dụng và lợi nhuận. Trong khi đó, nợ quá hạn chỉ phản ánh tình trạng chậm trả trong ngắn hạn và chưa hẳn đã trở thành rủi ro nghiêm trọng, vì nhiều khoản vẫn có khả năng thu hồi. Do vậy, việc theo dõi tốc độ gia tăng nợ xấu giúp Ngân hàng đánh giá chính xác hơn xu hướng rủi ro và mức độ suy giảm chất lượng tín dụng, từ đó có biện pháp xử lý kịp thời và hiệu quả hơn.

c. Vòng quay vốn tín dụng trong cho vay SXKD

Vòng quay vốn tín dụng trong cho vay SXKD phản ánh tốc độ thu hồi vốn của Ngân hàng từ các khoản cho vay. Chỉ tiêu này cho biết trong kỳ, một đồng vốn tín dụng được thu hồi và quay vòng bao nhiêu lần. Khi vòng quay vốn cao, điều này cho thấy khả năng thu hồi nợ nhanh, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và mở rộng khả năng cho vay. Tuy nhiên, chỉ tiêu này còn chịu ảnh hưởng bởi cơ cấu kỳ hạn cho vay và chính sách tín dụng của Ngân hàng, không hoàn toàn phản ánh riêng hiệu quả hoạt động của khách hàng. Ngược lại, vòng quay thấp phản ánh tốc độ thu hồi vốn chậm, vốn bị ứ đọng, làm giảm hiệu quả sử dụng vốn và gia tăng rủi ro nợ xấu.

Doanh số thu nợ cho vay SXKD trong kỳ

$$\text{Vòng quay vốn tín dụng trong cho vay SXKD} = \frac{\text{Dư nợ đầu kỳ cho vay SXKD} + \text{Dư nợ cuối kỳ cho vay SXKD}}{2}$$

1.4.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến mở rộng hoạt động cho vay SXKD

1.4.3.1. Nhân tố thuộc về bản thân Ngân hàng

Thứ nhất, định hướng phát triển của Ngân hàng. Định hướng phát triển quyết định Ngân hàng có ưu tiên mở rộng cho vay SXKD hay không. Khi Ngân hàng tập trung vào lĩnh vực này, nguồn lực sẽ được phân bổ nhiều hơn cho cho vay SXKD, từ đó thúc đẩy tăng trưởng dư nợ.

Thứ hai, chính sách tín dụng và mức độ chấp nhận rủi ro. Chính sách tín dụng bao gồm điều kiện vay, lãi suất, tài sản đảm bảo và quy trình xét duyệt. Nếu chính sách linh hoạt, Ngân hàng dễ mở rộng cho vay; ngược lại, nếu siết chặt thì tăng trưởng tín dụng sẽ bị hạn chế. Ngoài ra, mức độ chấp nhận rủi ro cũng ảnh hưởng trực tiếp, Ngân hàng càng chấp nhận rủi ro cao thì khả năng mở rộng cho vay càng lớn, nhưng đi kèm nguy cơ nợ xấu tăng.

Thứ ba, hoạt động marketing, phát triển sản phẩm và chuyển đổi số. Việc triển khai các chương trình marketing, sản phẩm cho vay ưu đãi và ứng dụng Ngân hàng số giúp Ngân hàng tiếp cận khách hàng nhanh hơn, rút ngắn thời gian xét duyệt và nâng cao trải nghiệm người vay. Điều này góp phần thu hút khách hàng mới và mở rộng quy mô cho vay.

Thứ tư, công tác quản trị rủi ro tín dụng. Quản trị rủi ro bao gồm thẩm định khách hàng, kiểm soát nợ xấu, trích lập dự phòng và xử lý tài sản đảm bảo. Nếu Ngân hàng kiểm soát rủi ro tốt, có thể yên tâm mở rộng cho vay. Ngược lại, rủi ro cao sẽ khiến Ngân hàng phải thu hẹp cho vay để đảm bảo an toàn vốn.

1.4.3.2. Nhân tố thuộc về môi trường hoạt động của Ngân hàng

Thứ nhất, môi trường kinh tế vĩ mô. Các yếu tố như tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất thị trường ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu vay vốn và khả năng trả nợ của khách hàng. Khi kinh tế tăng trưởng ổn định, hoạt động cho vay SXKD có điều kiện mở rộng.

Thứ hai, chu kỳ kinh tế và chu kỳ ngành SXKD. Mỗi ngành có đặc điểm và chu kỳ phát triển riêng. Khi ngành SXKD phát triển thuận lợi, nhu cầu vốn tăng cao, ngược lại khi ngành suy giảm, Ngân hàng sẽ gặp khó khăn trong việc mở rộng cho vay.

Thứ ba, chính sách điều hành của Nhà nước và Ngân hàng Nhà nước. Các chính sách như điều chỉnh lãi suất, định hướng tín dụng, cơ cấu nợ hay kiểm soát rủi ro đều tác động mạnh đến hoạt động cho vay.

Thứ tư, biến động kinh tế toàn cầu và chi phí đầu vào. Các yếu tố như xung đột địa chính trị, giá nguyên vật liệu tăng hay rào cản thương mại quốc tế làm tăng chi phí sản xuất của doanh nghiệp, từ đó ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh và khả năng trả nợ.

1.4.3.3. Nhân tố thuộc về phía khách hàng

Thứ nhất, nhu cầu vay vốn và quy mô hoạt động SXKD. Khi khách hàng mở rộng sản xuất, nhu cầu vốn tăng sẽ kéo theo nhu cầu vay vốn tăng. Ngược lại, khi doanh nghiệp thu hẹp hoạt động, nhu cầu vay vốn giảm.

Thứ hai, năng lực tài chính và khả năng trả nợ. Khả năng trả nợ phụ thuộc vào doanh thu, lợi nhuận và dòng tiền của khách hàng. Khách hàng có tình hình tài chính tốt sẽ dễ tiếp cận vốn hơn và giúp Ngân hàng yên tâm mở rộng cho vay.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Chương 1 đã trình bày cơ sở lý luận về hoạt động cho vay của NHTM, tập trung vào cho vay SXKD. Nội dung chương làm rõ khái niệm, đặc điểm, vai trò của hoạt động cho vay SXKD, qua đó khẳng định vai trò quan trọng của NHTM trong việc cung cấp vốn, thúc đẩy SXKD và tăng trưởng kinh tế. Bên cạnh đó, chương cũng hệ thống hoá các chỉ tiêu đánh giá hoạt động cho vay SXKD như doanh số cho vay, doanh số thu nợ, dư nợ cuối kỳ, nợ xấu, tỷ lệ sử dụng vốn huy động vào cho vay, hệ số thu nợ và vòng quay vốn, làm cơ sở để phân tích quy mô, tốc độ tăng trưởng và chất lượng cho vay. Ngoài ra, chương 1 còn khái quát các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động cho vay SXKD, làm nền tảng cho việc phân tích thực trạng trong chương tiếp theo.

**CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CHO VAY SẢN XUẤT
KINH DOANH CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
PHƯƠNG ĐÔNG - CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG TRONG GIAI ĐOẠN 2023 - 2025**

2.1. Giới thiệu về Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng

2.1.1. Giới thiệu tổng quan về Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng

Hình 2.1. Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng



(Nguồn: Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng)

- Tên đầy đủ: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông, Chi nhánh Đà Nẵng
- Tên viết tắt: OCB - Chi nhánh Đà Nẵng
- Địa chỉ: 224 Nguyễn Hữu Thọ, phường Hoà Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại: (0236) 388 7899
- Fax: (0236) 388 789

2.1.2. Lịch sử hình thành và quá trình phát triển của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông - Chi nhánh Trung Việt được thành lập theo Quyết định số 25/2003/QĐ-HĐQT ngày 16/09/2003 và chính thức đi

vào hoạt động từ ngày 14/11/2003 tại Đà Nẵng. Đến ngày 30/10/2010, Chi nhánh chuyển trụ sở về 34 - 36 Quang Trung và chuyển địa điểm cũ thành Phòng giao dịch Đồng Đa. Ngày 06/01/2025, Chi nhánh tiếp tục chuyển về 224 Nguyễn Hữu Thọ và đổi thành OCB - Chi nhánh Đà Nẵng, đánh dấu bước phát triển mới. Trong quá trình hoạt động, Chi nhánh luôn thích ứng linh hoạt với môi trường cạnh tranh thông qua chính sách khách hàng phù hợp, lãi suất điều chỉnh kịp thời theo thị trường, qua đó duy trì tăng trưởng ổn định về huy động vốn và lợi nhuận. Đồng thời, Chi nhánh cũng tích cực tham gia các hoạt động xã hội như hỗ trợ người khó khăn, tài trợ giáo dục và các chương trình cộng đồng, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Đà Nẵng. Hiện nay, Chi nhánh đã xây dựng mạng lưới gồm 6 phòng giao dịch tại các khu vực trọng điểm, nhằm nâng cao khả năng tiếp cận và phục vụ khách hàng.

- + PGD Hải Châu, 92 Chi Lăng, Hải Châu II, TP. Đà Nẵng
- + PGD 2 tháng 9, 86 Đ. 2 tháng 9, Phước Ninh, Hải Châu, TP. Đà Nẵng
- + PGD Hoà Khánh, 79 - 81 Nguyễn Sinh Sắc, Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng
- + PGD Hoà Xuân, 45 - 47 - 49 Nguyễn Phước Lan, Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng
- + PGD Thanh Khê, 135 Điện Biên Phủ, Thanh Khê, TP. Đà Nẵng
- + PGD Sơn Trà, 1013 Ngô Quyền, An Hải Nam, Sơn Trà, TP. Đà Nẵng

2.1.3. Chức năng, nhiệm vụ và sản phẩm của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng

2.1.3.1. Chức năng của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng

Chức năng của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng là thực hiện các hoạt động liên quan đến tài chính, cho vay và dịch vụ Ngân hàng theo đúng quy định pháp luật. Cụ thể:

- Khai thác và điều hành các nguồn vốn dư thừa từ cá nhân và tổ chức kinh tế thông qua các phương thức nhận tiền gửi (không có kỳ hạn, có kỳ hạn).
- Sử dụng nguồn vốn đã huy động để cấp tín dụng (cho vay ngắn hạn, trung hạn, dài hạn) cho các doanh nghiệp (đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ) và khách hàng cá nhân có nhu cầu vay phục vụ sản xuất, mua sắm nhà cửa, xe cộ hoặc tiêu dùng.
- Cung cấp những dịch vụ thanh toán trong nước và quốc tế, dịch vụ thu chi hộ, phát hành và thanh toán thẻ, dịch vụ Ngân hàng điện tử, giúp cho việc luân chuyển vốn của khách hàng diễn ra nhanh chóng và an toàn.

- Tư vấn tài chính, kinh doanh ngoại tệ, bảo lãnh Ngân hàng và phân phối các sản phẩm liên kết (chẳng hạn như bảo hiểm) nhằm nâng cao tiện ích cho khách hàng.

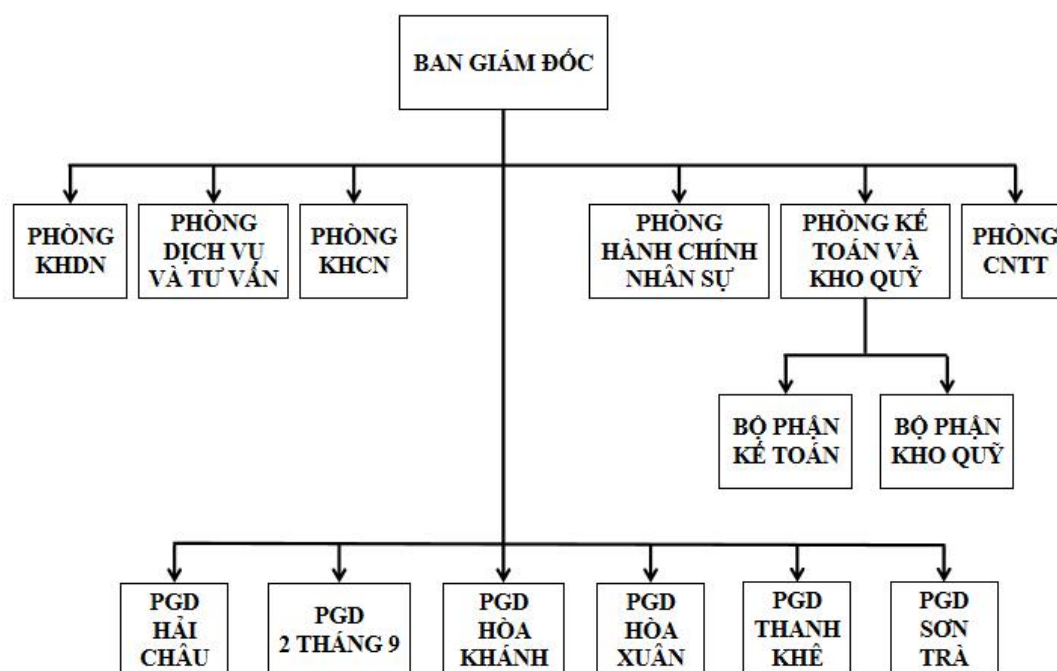
2.1.3.2. Nhiệm vụ của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng

- Khai thác hiệu quả nguồn vốn nhân rồi, đảm bảo thanh khoản ổn định và cung cấp giải pháp quản lý dòng tiền an toàn cho khách hàng.
- Cung cấp vốn cho nền kinh tế phục vụ tiêu dùng, sản xuất và đầu tư dự án, là hoạt động tạo nguồn thu chính từ lãi suất.
- Đảm bảo uy tín tài chính và hỗ trợ vốn lưu động cho doanh nghiệp trong hoạt động xuất nhập khẩu.
- Cung cấp hạ tầng công nghệ hiện đại phục vụ chuyển tiền, thanh toán trong và ngoài nước, góp phần thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt.
- Đa dạng hoá nguồn thu ngoài tín dụng bằng các công cụ phái sinh và giải pháp đầu tư tài chính.
- Quản lý tín dụng sau cho vay, thu hồi nợ xấu và xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi vốn cho Ngân hàng.

2.1.3.3. Cơ cấu tổ chức, chức năng và nhiệm vụ các phòng ban Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng

a. Cơ cấu tổ chức Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng

Hình 2.2. Mô hình cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng



(Nguồn: Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng)

b. Chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng

- Ban giám đốc: Là bộ phận lãnh đạo cao nhất, có trách nhiệm quản lý và điều hành tổng thể các hoạt động của Chi nhánh, thiết lập các mục tiêu và kế hoạch kinh doanh và giao cho nhân viên thực hiện. Ban giám đốc có nghĩa vụ chịu trách nhiệm trước pháp luật và nhà nước về các hoạt động của Chi nhánh.

- Phòng khách hàng cá nhân: Là phòng trực tiếp phụ trách liên hệ, tư vấn và bán những sản phẩm của Chi nhánh như cho vay, gửi tiết kiệm, mua bán ngoại tệ,...cho các khách hàng lẻ và hộ kinh doanh. Về cơ cấu tổ chức, phòng khách hàng cá nhân hiện đang được chia thành ba nhóm chính: bộ phận giao dịch viên, bộ phận quan hệ khách hàng và bộ phận tín dụng.

+ Bộ phận giao dịch viên: 1 kiểm soát viên, 2 nhân viên

+ Bộ phận quan hệ khách hàng: 1 quản lý, 4 nhân viên

+ Bộ phận tín dụng: 1 quản lý, 3 nhân viên

- Phòng khách hàng doanh nghiệp: Phục vụ các đối tượng là các công ty và tổ chức, đảm nhận việc xem xét hồ sơ của các doanh nghiệp theo các phương diện: báo cáo tài chính, định giá tài sản, mục đích vay vốn, tài sản đảm bảo,...Sau đó tư vấn và thuyết phục doanh nghiệp sử dụng gói dịch vụ tài chính của Chi nhánh.

- Phòng hành chính nhân sự: Chịu trách nhiệm tổ chức và quản lý toàn bộ các thủ tục hành chính và vấn đề nhân sự của Chi nhánh. Dưới sự chỉ đạo của giám đốc, trưởng phòng hành chính thực hiện tất cả hoạt động liên quan đến chức năng của bộ phận, tư vấn cho giám đốc về tình hình tuyển dụng và đào tạo nhân viên nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh của Chi nhánh trong từng giai đoạn.

- Phòng công nghệ thông tin: Chịu trách nhiệm về thiết bị kỹ thuật và lĩnh vực công nghệ thông tin. Hỗ trợ Chi nhánh với phần mềm và công nghệ tiên tiến, nhằm thúc đẩy chương trình hiện đại hoá Chi nhánh.

- Bộ phận kế toán: Thực hiện ghi chép các giao dịch tài chính hàng ngày, lập báo cáo tài chính định kỳ hàng tháng, hàng quý và hàng năm.

- Bộ phận ngân quỹ: Thực hiện việc giao tiền mặt trực tiếp cho khách hàng vay và gửi tiền, kiểm đếm, quản lý kho tiền an toàn và tiếp quỹ cho hệ thống ATM.

- Phòng giao dịch: Thực hiện các hoạt động huy động tiền gửi từ dân cư và cho vay cầm cố sổ tiết kiệm. Quản lý các tài sản ngoại bảng của khách hàng, thực hiện các giao

dịch thanh toán và các dịch vụ liên quan đến tiền gửi. Thực hiện các lệnh giải ngân, thu nợ, và thu phí. Thực hiện chuyển đổi ngoại tệ, rút tiền mặt và séc du lịch, thanh toán thẻ Ngân hàng, và chuyển tiền kiều hối.

Cơ cấu tổ chức nhân lực tại Chi nhánh khá tinh gọn, với việc phân chia hợp lý giữa các phòng ban. Hầu hết nhân viên đều có bằng đại học và được sắp xếp theo nhu cầu công việc.

2.1.4. Tình hình hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn 2023 - 2025

2.1.4.1. Tình hình huy động vốn của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn 2023 - 2025

Hoạt động huy động vốn là một trong những hoạt động cơ bản và giữ vai trò quan trọng trong hoạt động kinh doanh của NHTM. Nguồn vốn huy động không chỉ là cơ sở để Ngân hàng triển khai các hoạt động tín dụng và dịch vụ, mà còn phản ánh khả năng thu hút vốn và mức độ ổn định về thanh khoản của Ngân hàng. Trong bối cảnh kinh tế có nhiều biến động qua các năm, hoạt động huy động vốn của các NHTM cũng có những thay đổi nhất định. Do đó, việc xem xét và phân tích tình hình huy động vốn của Chi nhánh trong giai đoạn 2023 - 2025 là cần thiết nhằm làm rõ thực trạng và sự thay đổi của nguồn vốn huy động, phục vụ định hướng phát triển hoạt động kinh doanh hiệu quả hơn.

Bảng 2.1. Tình hình huy động vốn của Ngân hàng TMCP Phương Đông
- Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn 2023 - 2025

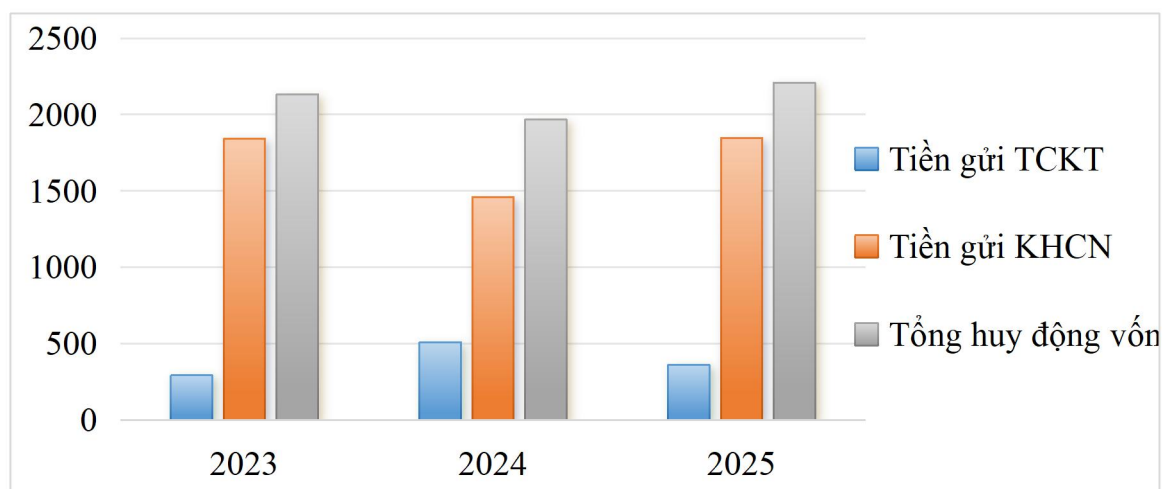
(Đơn vị tính: tỷ đồng)

Năm	2023		2024		2025		Chênh lệch 2024/2023		Chênh lệch 2025/2024	
Chỉ tiêu	Số tiền	Tỉ trọng (%)	Số tiền	Tỉ trọng (%)	Số tiền	Tỉ trọng (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)
Tiền gửi TCKT	292,2	13,7	510,2	25,9	361,8	16,4	218	74,61	(148,4)	(29,09)
Tiền gửi KHCN	1.841,2	86,30	1.459,5	74,10	1.847,4	83,62	(381,7)	(20,73)	387,9	26,58
Tổng huy động vốn	2.133,4	100	1.969,7	100	2.209,2	100	(163,7)	(7,67)	239,5	12,16

(Nguồn: Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng)

Biểu đồ 2.1. Tình hình huy động vốn của Ngân hàng TMCP Phương Đông
- Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn 2023 - 2025

(Đơn vị tính: tỷ đồng)



(Nguồn: Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng)

Qua bảng số liệu 2.1 và biểu đồ 2.1 có thể thấy, trong giai đoạn 2023 - 2025 tình hình huy động vốn của Chi nhánh có sự biến động tăng giảm không đồng đều qua các năm. Cụ thể năm 2024, tổng huy động vốn đạt 1.969,7 tỷ đồng, giảm 163,7 tỷ đồng so với năm 2023. Bước sang năm 2025, tổng huy động vốn đạt 2.209,2 tỷ đồng, tăng 239,5 tỷ đồng so với năm 2024, cho thấy khả năng phục hồi nguồn vốn huy động của Chi nhánh tích cực.

Về tiền gửi KHCN, năm 2024 đạt 1.459,5 tỷ đồng, giảm 381,7 tỷ đồng (tương đương giảm 20,73%) so với năm 2023. Nguyên nhân là do NHNN ban hành Quyết định 1124/QĐ-NHNN quy định trần lãi suất tiền gửi tối đa 4,75%/năm đối với kỳ hạn dưới 6 tháng. Điều này làm thu hẹp chênh lệch lãi suất giữa các Ngân hàng xuống còn khoảng 0,2% - 0,4%, làm suy giảm lợi thế cạnh tranh của kênh tiền gửi và khiến khách hàng có xu hướng dịch chuyển tiền gửi sang các Ngân hàng có quy mô lớn hơn, uy tín cao hơn. Năm 2025, tiền gửi KHCN đạt 1.847,4 tỷ đồng, tăng 387,9 tỷ đồng (tương đương tăng 26,58%) so với năm 2024, chiếm tỉ trọng 83,62%. Kết quả này có được nhờ Chi nhánh triển khai nhiều sản phẩm, nổi bật trong đó là “*Max Savings - Tiền gửi sinh lời tối ưu*”, với mức lãi suất cao hơn từ 0,5%/năm so với tiền gửi truyền thống cùng kỳ hạn và được cập nhật mỗi kỳ lĩnh lãi. Ưu đãi này tập trung ở các kỳ hạn trung và dài, qua đó góp phần giúp kênh tiết kiệm ổn định và thu hút lại dòng vốn từ khách hàng.

Về tiền gửi TCKT, năm 2024 đạt 510,2 tỷ đồng, tăng 218 tỷ đồng (tương đương tăng 74,61%) so với năm 2023, chiếm tỉ trọng 25,9%. Kết quả này đạt được nhờ việc hoàn thiện nền tảng Ngân hàng số OCB OMNI Corp cùng các gói dịch vụ dành cho doanh nghiệp như “*OCB Daily Banking*”, tích hợp các tiện ích chi lương và quản lý dòng tiền. Các ưu đãi miễn, giảm phí giao dịch và chi lương giúp doanh nghiệp thuận tiện hơn trong thanh toán, qua đó duy trì số dư tiền gửi thanh toán thường xuyên tại Chi nhánh và góp phần gia tăng nguồn vốn huy động từ TCKT. Tuy nhiên sang năm 2025, tiền gửi TCKT đạt 361,8 tỷ đồng, giảm 148,4 tỷ đồng (tương đương giảm 29,09%) so với năm 2024. Trong bối cảnh chi phí đầu vào gia tăng và biên lợi nhuận thu hẹp, nhiều doanh nghiệp có xu hướng rút tiền gửi để bổ sung vốn lưu động và bù đắp thâm hụt dòng tiền tạm thời thay vì duy trì số dư lớn tại Ngân hàng. Trước xu hướng này, nhằm hạn chế rủi ro rút vốn và giảm phụ thuộc vào nhóm doanh nghiệp lớn, Chi nhánh đã chủ động chuyển dịch cơ cấu sang nhóm doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) có nhu cầu sử dụng dịch vụ thanh toán thường xuyên, qua đó góp phần phân tán rủi ro và ổn định nguồn vốn huy động. Định hướng này tuy làm giảm quy mô tiền gửi doanh nghiệp nhưng góp phần mở rộng tệp khách hàng, nâng cao tính bền vững trong cơ cấu nguồn vốn huy động lâu dài.

2.1.4.2. Tình hình cho vay của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn 2023 - 2025

Bên cạnh hoạt động huy động vốn, hoạt động cho vay là một trong những hoạt động nghiệp vụ cốt lõi của NHTM, giữ vai trò quan trọng trong việc sử dụng nguồn vốn và tạo ra thu nhập cho Ngân hàng. Trong bối cảnh kinh tế có nhiều biến động qua các năm, hoạt động cho vay của các NHTM cũng chịu ảnh hưởng đáng kể từ môi trường kinh doanh và chính sách tín dụng. Do đó, việc xem xét và phân tích tình hình hoạt động cho vay của Chi nhánh trong giai đoạn 2023 - 2025 là cần thiết nhằm làm rõ thực trạng và sự thay đổi của hoạt động này, làm cơ sở đề xuất giải pháp phát triển phù hợp trong thời gian tới.

Bảng 2.2. Tình hình cho vay của Ngân hàng TMCP Phương Đông
- Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn 2023 - 2025

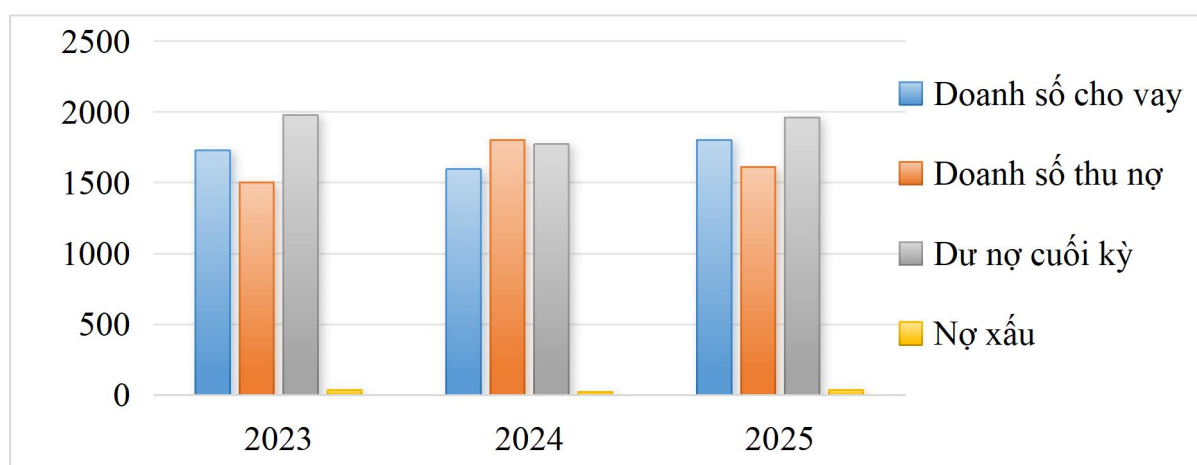
(Đơn vị tính: tỷ đồng)

Năm	2023	2024	2025	Chênh lệch 2024/2023		Chênh lệch 2025/2024	
Chỉ tiêu	Số tiền	Số tiền	Số tiền	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
Doanh số cho vay	1.728,05	1.595,46	1.802,76	(132,59)	(7,67)	207,3	12,99
Doanh số thu nợ	1.502,25	1.801	1.613,07	298,75	19,89	(187,93)	(10,43)
Dư nợ cuối kỳ	1.978,27	1.772,73	1.962,42	(205,54)	(10,39)	189,69	10,7
Nợ xấu	35,21	23,05	35,58	(12,16)	(34,54)	12,53	54,36
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1,78	1,3	1,81	-	-	-	-

(Nguồn: Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng)

Biểu đồ 2.2. Tình hình cho vay của Ngân hàng TMCP Phương Đông
- Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn 2023 - 2025

(Đơn vị tính: tỷ đồng)



(Nguồn: Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng)

Qua bảng số liệu 2.2 và biểu đồ 2.2, có thể nhận thấy hoạt động cho vay của Chi nhánh trong giai đoạn 2023 - 2025 có sự biến động không đồng đều.

Xét theo từng chỉ tiêu, doanh số cho vay năm 2024 đạt 1.595,46 tỷ đồng, giảm 132,59 tỷ đồng (tương đương giảm 7,67%) so với năm 2023. Xuất phát từ áp lực nợ xấu gia tăng từ năm trước, đồng thời qua quá trình xử lý nợ cho thấy nhiều tài sản bảo đảm có tính thanh khoản thấp, gây khó khăn trong việc thu hồi vốn. Chi nhánh đã chủ động siết chặt công tác thẩm định và hạn chế cho vay đối với các khoản vay có tài sản

bảo đảm kém thanh khoản. Điều này làm giảm số lượng khoản vay được phê duyệt, qua đó khiến doanh số cho vay trong năm suy giảm nhẹ đi. Năm 2025, doanh số này đạt 1802,76 tỷ đồng, tăng 207,3 tỷ đồng (tương đương tăng 12,99%) so với năm 2024. Tại Đà Nẵng, ngành du lịch và dịch vụ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực, góp phần cải thiện môi trường kinh doanh và ổn định nguồn thu của khách hàng, qua đó củng cố khả năng tài chính và tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận vốn vay nhằm phục vụ nhu cầu mở rộng hoạt động và đầu tư. Trên cơ sở đó, Chi nhánh cũng đã triển khai gói “Ưu đãi lãi vay - Tương lai vững bước” với mức lãi suất từ 5,1%/năm (vay SXKD từ 5,1%/năm, vay mua nhà từ 6,5%/năm, vay mua ô tô từ 6,2%/năm, vay tiêu dùng có TSDB từ 6,2%/năm), góp phần nâng cao khả năng tiếp cận vốn và thúc đẩy tăng trưởng doanh số cho vay, tạo động lực mở rộng hoạt động tín dụng trong giai đoạn phục hồi kinh tế.

Tương tự, doanh số thu nợ cũng ghi nhận sự biến động tăng giảm qua các năm. Năm 2024, doanh số thu nợ đạt 1.801 tỷ đồng, tăng 298,75 tỷ đồng (tương đương tăng 19,89%) so với năm 2023. Kết quả này chủ yếu đến từ việc Chi nhánh tăng cường theo dõi các khoản nợ đến hạn, chủ động làm việc với khách hàng để đảm bảo tiến độ trả nợ. Sang năm 2025, doanh số thu nợ đạt 1.613,07 tỷ đồng, giảm 187,93 tỷ đồng (tương đương giảm 10,43%) so với năm 2024. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ định hướng của NHNN trong việc khuyến khích dòng vốn chuyển dịch vào các dự án trung và dài hạn như mở rộng sản xuất và phát triển hạ tầng. Bám sát định hướng này, Chi nhánh đã điều chỉnh cơ cấu danh mục cho vay theo hướng giảm tỷ trọng cho vay ngắn hạn và tăng dần cho vay trung, dài hạn. Sự gia tăng tỷ trọng các khoản vay trung, dài hạn khiến quy mô nợ gốc đến hạn trong kỳ có xu hướng giảm so với năm trước, làm doanh số thu nợ ghi nhận sự sụt giảm tương ứng trong kỳ.

Về dư nợ cuối kỳ, năm 2024 đạt 1.772,73 tỷ đồng, giảm 205,54 tỷ đồng (tương đương giảm 10,39%) so với năm 2023. Nguyên nhân do doanh số cho vay sụt giảm trong khi doanh số thu nợ lại tăng mạnh, khiến số tiền thu nợ vượt mức giải ngân trong kỳ. Điều này cho thấy, Chi nhánh có xu hướng thận trọng hơn trong hoạt động cho vay, ưu tiên các khoản vay có chất lượng tốt và hạn chế các khoản vay tiềm ẩn rủi ro, nâng cao chất lượng cho vay và đảm bảo an toàn vốn. Sang năm 2025, dư nợ cuối kỳ đạt 1.962,42 tỷ đồng, tăng 189,69 tỷ đồng (tương đương tăng 10,7%) so với năm 2024. Có được kết quả này chủ yếu do doanh số cho vay mới tăng mạnh, đồng thời doanh số thu

nợ trong kỳ lại ghi nhận sự sụt giảm. Sự tăng trưởng của nền kinh tế địa phương đã thúc đẩy mạnh mẽ nhu cầu vay bổ sung vốn lưu động, đầu tư mở rộng kinh doanh của các doanh nghiệp, cũng như nhu cầu vay mua sắm, tiêu dùng của người dân. Nhờ vậy, nguồn vốn giải ngân được thị trường hấp thụ toàn diện, trực tiếp thúc đẩy quy mô dư nợ cuối kỳ mở rộng, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động cho vay của Chi nhánh.

Về nợ xấu, năm 2024 đạt 23,05 tỷ đồng, giảm 12,16 tỷ đồng (tương đương giảm 34,54%) so với năm 2023, tỷ lệ nợ xấu theo đó cũng giảm còn 1,3%. Kết quả này đạt được nhờ tác động từ Thông tư 06/2024/TT-NHNN cho phép kéo dài thời gian cơ cấu nợ và giữ nguyên nhóm nợ đến hết năm 2024, qua đó giúp giảm áp lực tài chính cho khách hàng. Cùng với đó, Chi nhánh tăng cường đôn đốc, bám sát dòng tiền để thu hồi nợ gốc kịp thời, một số khoản nợ xấu lâu năm đã được khách hàng tất toán, góp phần làm giảm số nợ xấu trong kỳ. Tuy nhiên, sang năm 2025 nợ xấu đạt 35,58 tỷ đồng, tăng 12,53 tỷ đồng (tương đương tăng 54,36%) so với năm 2024, khiến tỷ lệ nợ xấu tăng từ 1,3% lên 1,81%. Nguyên nhân chủ yếu do Thông tư 06/2024/TT-NHNN hết hiệu lực, khiến các khoản nợ đã được cơ cấu trước đó không còn được giữ nguyên nhóm nợ mà phải phân loại lại theo thực trạng. Trên cơ sở đó, Chi nhánh đã chủ động rà soát và minh bạch hoá việc phân loại các khoản nợ, góp phần nâng cao chất lượng quản trị rủi ro tín dụng tại Chi nhánh.

2.1.4.3. Tình hình kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn 2023 - 2025

Bảng kết quả hoạt động kinh doanh là công cụ quan trọng phản ánh toàn diện hiệu quả hoạt động của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng thông qua các chỉ tiêu thu nhập và chi phí trong từng giai đoạn. Thông qua bảng số liệu này, có thể đánh giá mức độ đóng góp của từng nguồn thu, nhận diện xu hướng biến động qua các năm, đồng thời làm rõ những yếu tố tác động đến kết quả kinh doanh của Chi nhánh, phục vụ công tác phân tích và định hướng hoạt động kinh doanh phù hợp.

Bảng 2.3. Tình hình kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Phương
Đông - Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn 2023 - 2025

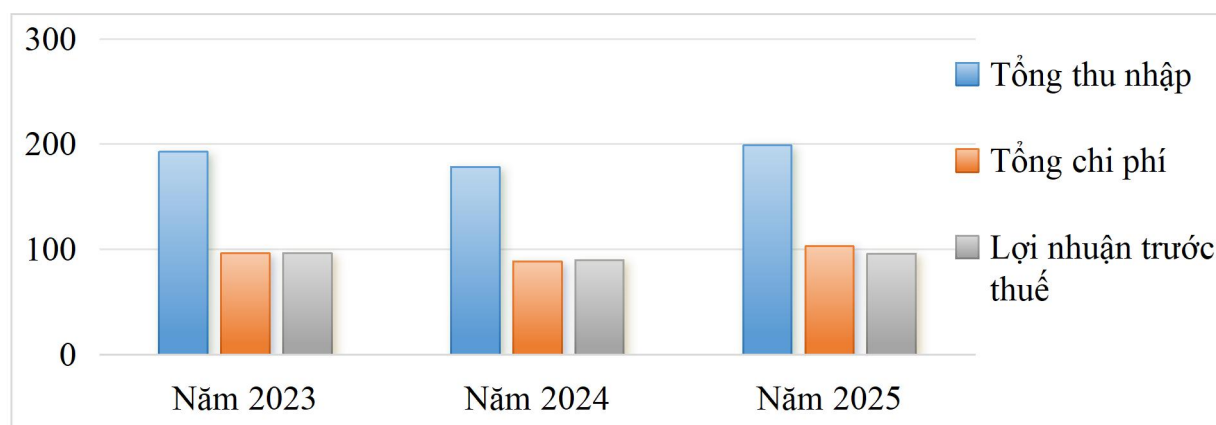
(Đơn vị tính: tỷ đồng)

Năm	2023	2024	2025	Chênh lệch 2024/2023		Chênh lệch 2025/2024	
Chỉ tiêu	Số tiền	Số tiền	Số tiền	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)
Thu nhập lãi	162,91	145,98	161,61	(16,93)	(10,39)	15,62	10,7
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	27,99	31,29	35,75	3,3	11,79	4,46	14,25
Thu nhập từ hoạt động khác	1,61	0,82	1,25	(0,79)	(49,07)	0,43	52,44
Tổng thu nhập	192,51	178,09	198,61	(14,42)	(7,49)	20,51	11,52
Chi phí lãi	73,82	68,15	76,44	(5,66)	(7,67)	8,29	12,16
Chi phí hoạt động dịch vụ	8,94	11,74	14,19	2,8	31,32	2,45	20,87
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	13,03	8,54	11,91	(4,49)	(34,46)	3,37	39,46
Chi phí từ hoạt động khác	0,34	0,12	0,22	(0,22)	(64,71)	0,1	83,33
Tổng chi phí	96,13	88,55	102,76	(7,57)	(7,88)	14,21	16,04
Lợi nhuận trước thuế	96,39	89,54	95,85	(6,84)	(7,1)	6,3	7,04

(Nguồn: Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng)

Biểu đồ 2.3. Tình hình kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP
Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn 2023 - 2025

(Đơn vị tính: tỷ đồng)



(Nguồn: Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng)

Qua bảng số liệu 2.3 và biểu đồ 2.3 có thể thấy, tổng thu nhập của Chi nhánh trong giai đoạn 2023 - 2025 có sự biến động không đồng đều qua các năm.

Năm 2024 tổng thu nhập đạt 178,09 tỷ đồng, giảm 14,42 tỷ đồng (tương đương giảm 7,49%) so với năm 2023. Nguyên nhân là do quy mô dư nợ cuối kỳ thu hẹp so với năm trước, đồng thời Chi nhánh thực hiện định hướng chuyển dịch cơ cấu cho vay theo hướng thận trọng hơn, cụ thể là hạn chế cho vay đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro cao. Trong khi đó, thu nhập từ hoạt động dịch vụ tăng lên nhờ Chi nhánh mở rộng phát triển dịch vụ số trên nền tảng OCB OMNI. Tuy nhiên, sang năm 2025 tổng thu nhập đạt 198,61 tỷ đồng, tăng 20,51 tỷ đồng (tương đương tăng 11,52%) so với năm 2024. Kết quả này đến từ việc mở rộng dư nợ, tối ưu hoá sử dụng vốn và đẩy mạnh cho vay bổ sung vốn lưu động. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ cũng ghi nhận xu hướng tăng, nhờ Chi nhánh tiếp tục mở rộng phát triển dịch vụ số, góp phần đa dạng hoá nguồn thu và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Về tổng chi phí của Chi nhánh cũng có sự biến động không đồng đều. Năm 2024, tổng chi phí đạt 88,55 tỷ đồng, giảm 7,57 tỷ đồng (tương đương giảm 7,88%) so với năm 2023. Kết quả này có được là nhờ chi phí lãi giảm còn 68,15 tỷ đồng qua việc Chi nhánh gia tăng nguồn vốn giá rẻ thông qua tiền gửi không kỳ hạn trên nền tảng số. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng cũng giảm xuống 8,54 tỷ đồng nhờ nợ xấu được kiểm soát tốt và chính sách thẩm định chặt chẽ ngay từ đầu, giúp giảm nhu cầu trích lập bổ sung. Tuy nhiên, chi phí từ hoạt động dịch vụ lại tăng 11,74 tỷ đồng do Chi nhánh triển khai các chương trình ưu đãi phí, hoàn tiền và quà tặng nhằm thu hút khách hàng mới. Sang năm 2025, tổng chi phí đạt 102,76 tỷ đồng, tăng 14,21 tỷ đồng (tương đương tăng 16,04%) so với năm 2024. Nguyên nhân là do chi phí lãi tăng lên 76,44 tỷ đồng khi Chi nhánh triển khai các chương trình huy động vốn với ưu đãi lãi suất qua đó làm gia tăng chi phí huy động trong kỳ. Cùng với đó, chi phí dịch vụ cũng tăng 14,19 tỷ đồng, chi phí dự phòng rủi ro tín dụng tăng 11,91 tỷ đồng do Chi nhánh tiếp tục triển khai các chương trình ưu đãi, hoàn tiền kết hợp với việc phân loại lại các khoản vay và trích lập dự phòng đầy đủ nhằm đảm bảo an toàn tài chính, góp phần nâng cao khả năng quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh.

Về lợi nhuận trước thuế, năm 2024 đạt 89,54 tỷ đồng, giảm 6,84 tỷ đồng (tương đương giảm 7,1%) so với năm 2023 do tổng thu nhập suy giảm. Tuy nhiên, Chi nhánh đã tiết giảm chi phí, đặc biệt là chi phí dự phòng rủi ro tín dụng, qua đó giúp duy trì lợi

nhuận trước thuế ổn định. Sang năm 2025, lợi nhuận trước thuế đạt 95,85 tỷ đồng, tăng 6,3 tỷ đồng (tương đương tăng 7,04%) so với năm 2024 nhờ tổng thu nhập cải thiện. Mặc dù vậy, tốc độ tăng lợi nhuận vẫn thấp do chi phí gia tăng cho thấy áp lực chi phí vẫn còn hiện hữu.

2.2. Thực trạng hoạt động cho vay sản xuất kinh doanh (SXKD) Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng giai đoạn 2023 - 2025

2.2.1. Quy định chung về hoạt động cho vay SXKD của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng

2.2.1.1. Nguyên tắc cho vay SXKD của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng

Hoạt động cho vay SXKD của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng được thực hiện theo các nguyên tắc cơ bản sau:

- Chỉ cấp tín dụng cho các nhu cầu vay vốn hợp pháp, đúng mục đích SXKD, gắn với phương án sử dụng vốn cụ thể, khả thi và có hiệu quả kinh tế.
- Thẩm định chặt chẽ dựa trên năng lực tài chính, dòng tiền, lịch sử tín dụng và tính khả thi của phương án nhằm đảm bảo khả năng trả nợ của khách hàng.
- Khách hàng phải hoàn trả đầy đủ gốc và lãi đúng hạn; kỳ hạn trả nợ được thiết kế phù hợp với chu kỳ kinh doanh, đồng thời ngân hàng theo dõi và hỗ trợ xử lý rủi ro trong quá trình vay.
- Thực hiện đầy đủ quy định về bảo đảm tiền vay, khách hàng có thể phải cung cấp tài sản bảo đảm hoặc bên thứ ba bảo lãnh, với quy trình định giá và quản lý theo đúng quy định pháp luật.

2.2.1.2. Điều kiện cho vay SXKD của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng

- Đối tượng khách hàng:

+ Khách hàng cá nhân (KHCV): Là công dân Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đang tham gia hoạt động SXKD hợp pháp trong các lĩnh vực như thương mại, dịch vụ, sản xuất.

+ Khách hàng doanh nghiệp (KHCVN): Là các tổ chức, doanh nghiệp được thành lập và hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam, có đăng ký kinh doanh hợp lệ và hoạt động ổn định.

- Điều kiện vay vốn:

+ Điều kiện pháp lý: Khách hàng phải có đầy đủ năng lực pháp luật và hành vi dân sự; đối với doanh nghiệp cần cung cấp đầy đủ hồ sơ pháp lý như giấy đăng ký kinh doanh, mã số thuế và giấy tờ chứng minh tư cách đại diện.

+ Mục đích sử dụng vốn: Khoản vay phải được sử dụng cho các mục đích hợp pháp như bổ sung vốn lưu động, đầu tư mở rộng SXKD hoặc các nhu cầu hợp lệ khác.

+ Phương án sản xuất kinh doanh: Khách hàng phải có phương án sử dụng vốn khả thi, hiệu quả. KHDN cần thể hiện rõ khả năng sinh lời, thị trường và triển vọng, còn KHCN cần có kế hoạch sử dụng vốn và trả nợ phù hợp với thu nhập.

+ Khả năng tài chính và trả nợ: Ngân hàng đánh giá dựa trên thu nhập, dòng tiền và lịch sử tín dụng. KHCN cần đảm bảo thu nhập ổn định, còn KHDN được xem xét thông qua báo cáo tài chính, doanh thu, lợi nhuận và khả năng tạo dòng tiền.

+ Lịch sử tín dụng (CIC): Không có nợ xấu (từ nhóm 3 trở lên) trong 36 tháng gần nhất; hạn chế nợ nhóm 2 trong 12 tháng và không có khoản nợ đã xử lý rủi ro hoặc bán cho VAMC.

+ Kinh nghiệm hoạt động kinh doanh: Khách hàng phải có thời gian hoạt động kinh doanh tối thiểu (thường từ 12 tháng), được chứng minh qua giấy phép kinh doanh, chứng từ thuế, hợp đồng hoặc hoá đơn liên quan.

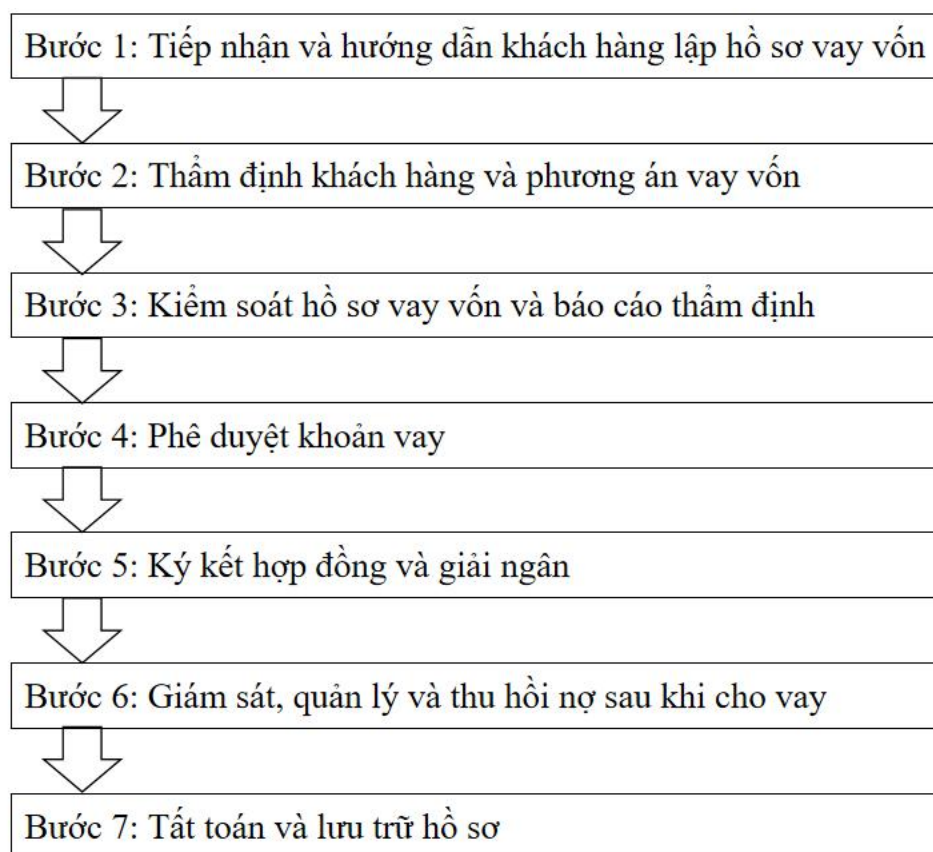
+ Tài sản bảo đảm: Tùy khoản vay, khách hàng có thể phải cung cấp tài sản bảo đảm hợp pháp như bất động sản, phương tiện hoặc tài sản có giá trị khác.

+ Các điều kiện bổ sung: KHCN trong độ tuổi 18 - 70 (tối đa 75 tuổi khi tắt toán), có địa bàn cư trú/kinh doanh phù hợp và có thể cần bên đồng trả nợ hoặc bảo lãnh.

2.2.1.3. Quy trình cho vay SXKD của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng

Tùy từng sản phẩm mà hồ sơ vay vốn, điều kiện cấp tín dụng có thể có sự khác nhau nhằm phù hợp với đặc điểm của từng đối tượng khách hàng và mục đích sử dụng vốn. Tuy nhiên về cơ bản các khoản vay SXKD của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng vẫn được thực hiện theo một quy trình cho vay thống nhất. Trên cơ sở các hoạt động tìm kiếm, tiếp cận và tư vấn khách hàng, khi phát sinh nhu cầu vay vốn, khoản vay sẽ được tiếp nhận và xử lý theo các bước như sau. Nội dung chi tiết của từng bước được trình bày tại Phụ lục, nhằm giúp làm rõ quy trình thực hiện hoạt động cho vay tại Chi nhánh.

Hình 2.3. Quy trình cho vay SXKD của Ngân hàng TMCP Phương Đông
- Chi nhánh Đà Nẵng



(Nguồn: Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng)

2.2.1.4. Sản phẩm cho vay SXKD của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng

a. Đối với khách hàng cá nhân

- Vay SXKD & bổ sung vốn lưu động

- + Đối tượng khách hàng: Cá nhân hoạt động kinh doanh/Chủ hộ kinh doanh cá thể có nhu cầu bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh.
- + Thời gian cho vay: Tối đa 24 tháng
- + Hạn mức cho vay: Tối đa 10 tỷ đồng
- + Nguồn thu nhập trả nợ của khách hàng: Thu nhập từ SXKD, lương, cho thuê Tài sản, cổ tức, lợi nhuận từ hoạt động góp vốn kinh doanh.
- + Phương thức cho vay: Vay từng lần hoặc vay theo hạn mức.
- + Tài sản đảm bảo: Giấy tờ có giá, bất động sản có giấy chứng nhận.
- + Tỷ lệ tài trợ tối đa: 90% + LTV (Tỷ lệ cho vay tối đa/TSBĐ): Tối đa 85% giá trị tài sản bảo đảm là bất động sản.

- Vay sản xuất nông nghiệp nông thôn

+ Đối tượng khách hàng: Cá nhân/Chủ hộ kinh doanh hoạt động sản xuất nông nghiệp nông thôn có nhu cầu bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh.

+ Thời gian cho vay: Lên đến 300 tháng

+ Hạn mức cho vay: Tối đa 5 tỷ đồng

+ Nguồn thu nhập trả nợ của khách hàng: Thu nhập từ SXKD, lương, cho thuê Tài sản, cổ tức, lợi nhuận từ hoạt động góp vốn kinh doanh.

+ Phương thức cho vay: Vay từng lần/ Vay theo Hạn mức/ Vay lưu vụ.

+ Tài sản đảm bảo: Giấy tờ có giá, bất động sản có giấy chứng nhận.

+ Tỷ lệ tài trợ tối đa: 80%

+ LTV (Tỷ lệ cho vay tối đa/TSBĐ): Tối đa 85% giá trị tài sản bảo đảm là BĐS

b. Đối với khách hàng doanh nghiệp

b.1. Cho vay ngắn hạn

- Vay vốn không TSBĐ hỗ trợ SME tăng tốc (Growth SME)

+ Đối tượng khách hàng: Doanh nghiệp được giới thiệu bởi các quỹ đầu tư, phù hợp với tiêu chí sản phẩm từng thời kỳ.

+ Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, tài trợ thương mại, phát hành bảo lãnh, LC.

+ Hạn mức tín dụng:

Doanh thu từ 100 đến <200 tỷ đồng: hạn mức vay đến 10 tỷ đồng.

Doanh thu từ 200 đến <500 tỷ đồng: hạn mức vay đến 20 tỷ đồng.

Doanh thu $\geq$ 500 tỷ: hạn mức vay đến 30 tỷ đồng.

+ Tài sản bảo đảm: Không yêu cầu tài sản bảo đảm.

+ Tài sản bổ sung: Cầm cổ cổ phần/phần vốn góp hoặc cam kết bảo lãnh của công ty mẹ/người chủ chốt.

+ Thời hạn cấp: Từng lần (tối đa 12 tháng).

+ Hạn mức: Tối đa 12 tháng/tháng (KUNN tối đa 6 tháng/9 tháng tùy ngành nghề).

- Vay bổ sung vốn kinh doanh dành cho SME

+ Đối tượng khách hàng: Khách hàng là doanh nghiệp (bao gồm cả doanh nghiệp tư nhân) có doanh thu từ 20 đến 500 tỷ đồng/năm và thời gian hoạt động từ 1 năm trở lên.

+ Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, tài trợ thương mại, phát hành bảo lãnh, LC.

+ Hạn mức cấp: Tối đa 10 tỷ đồng/khách hàng.

+ Tài sản bảo đảm: Bất động sản, tiền gửi tại OCB.

- + Thời hạn cấp: Từng lần (tối đa 36 tháng).
- + Hạn mức: Tối đa 12 tháng (KUNN tối đa 12 tháng)

b.2. Cho vay dài hạn

- Cho vay trung dài hạn đầu tư tài sản cố định/tài trợ dự án

+ Đối tượng khách hàng: Doanh nghiệp có nhu cầu tài trợ vốn để đầu tư tài sản cố định (mua sắm máy móc thiết bị, xây dựng nhà xưởng, nhà văn phòng...) hoặc tài trợ dự án.

+ Mục đích tài trợ: Đầu tư tài sản cố định/Bổ sung vốn triển khai dự án.

+ Phương thức tài trợ: Từng lần theo hợp đồng, dự án.

+ Thời hạn tài trợ: Phù hợp phương án/ thời hạn dự án.

+ Tài sản bảo đảm: Tài sản hình thành từ chính vốn vay hoặc tài sản khác được OCB chấp nhận (Bất động sản, Máy móc thiết bị, Phương tiện vận tải, Giấy tờ có giá...)

2.2.2. Thực trạng mở rộng cho vay SXKD của Ngân hàng TMCP Phương Đông

- Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn 2023 - 2025

2.2.2.1. Tình hình cho vay SXKD của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn 2023 - 2025

Trong giai đoạn 2023 - 2025, hoạt động cho vay SXKD của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng có nhiều biến động, phản ánh sự thay đổi của môi trường kinh tế và định hướng cho vay của Chi nhánh. Các chỉ tiêu như doanh số cho vay, doanh số thu nợ, dư nợ cuối kỳ, nợ xấu và tỉ lệ nợ xấu đều có sự chuyển biến rõ rệt, cho thấy xu hướng tăng trưởng đi kèm với những rủi ro tiềm ẩn. Do đó, việc xem xét và phân tích tình hình cho vay SXKD của Chi nhánh trong giai đoạn 2023 - 2025 là cần thiết nhằm làm rõ thực trạng và sự thay đổi của hoạt động này.

Bảng 2.4. Tình hình cho vay SXKD của Ngân hàng TMCP Phương Đông
- Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn 2023 - 2025

Năm	2023		2024		2025		Chênh lệch 2024/2023		Chênh lệch 2025/2024	
Chỉ tiêu	Số tiền	Tỉ trọng (%)	Số tiền	Tỉ trọng (%)	Số tiền	Tỉ trọng (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)
Doanh số cho vay	1.728,05	100	1.595,46	100	1.802,76	100	(132,59)	(7,67)	207,30	12,99
Doanh số cho vay SXKD	601,86	34,83	778,85	48,82	949,96	52,69	176,99	29,41	171,11	21,97
Doanh số thu nợ	1.502,25	100	1.801,00	100	1.613,07	100	298,75	19,89	(187,93)	(10,43)
Doanh số thu nợ cho vay SXKD	512,65	34,13	700,86	38,92	805,4	49,93	188,21	36,71	104,54	14,92
Dư nợ cuối kỳ	1.978,27	100	1.772,73	100	1.962,42	100	(205,54)	(10,39)	189,69	10,7
Dư nợ cuối kỳ cho vay SXKD	650,56	32,89	728,55	41,1	873,11	44,49	77,99	11,99	144,56	19,84
Nợ xấu	35,21	100	23,05	100	35,58	100	(12,16)	(34,54)	12,53	54,36
Nợ xấu cho vay SXKD	9,39	26,67	7,49	32,49	11,13	31,28	(1,9)	(20,23)	3,64	48,6
Tỉ lệ nợ xấu (%)	1,78		1,30		1,81		-	-	-	-
Tỉ lệ nợ xấu cho vay SXKD (%)	1,44		1,03		1,27		-	-	-	-

(Nguồn: Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng)

Qua bảng số liệu 2.4, có thể nhận thấy doanh số cho vay SXKD của Chi nhánh có xu hướng gia tăng liên tục qua các năm. Năm 2024, doanh số cho vay SXKD đạt 778,85 tỷ đồng, tăng 176,99 tỷ đồng (tương đương tăng 29,41%) so với năm 2023. Sang năm 2025 doanh số cho vay SXKD tiếp tục đạt 949,96 tỷ đồng, tăng 171,11 tỷ đồng (tương đương tăng 21,97%) so với năm 2024, chiếm tỉ trọng 52,69%. Kết quả này không chỉ đến từ việc nền kinh tế địa phương từng bước phục hồi, mà còn nhờ đội ngũ cán bộ nhân viên chủ động mở rộng tiếp cận khách hàng trên địa bàn. Đặc biệt, năm 2024 là năm có mức tăng trưởng nổi bật nhờ Chi nhánh đã triển khai gói vay SXKD với hạn mức tối đa 5 tỷ đồng, thời hạn 12 tháng cùng mức lãi suất ưu đãi chỉ từ 5,1%/năm. Sản phẩm này phù hợp với nhu cầu bổ sung vốn lưu động ngắn hạn của nhóm khách hàng tiểu thương và hộ kinh doanh, góp phần thúc đẩy tăng trưởng doanh số cho vay SXKD của Chi nhánh.

Tương tự doanh số cho vay, doanh số thu nợ cho vay SXKD cũng tăng trưởng ổn định. Trong đó, năm 2024 doanh số thu nợ cho vay SXKD đạt 700,86 tỷ đồng, tăng 188,21 tỷ đồng (tương đương tăng 36,71%) so với năm 2023. Kết quả này đến từ việc nhiều khoản vay SXKD đến hạn thanh toán trong năm. Bên cạnh đó, Chi nhánh cũng tăng cường công tác theo dõi và quản lý khoản vay có dấu hiệu chậm trả, kết hợp với việc ứng dụng hiệu quả hệ thống nhắc nợ tự động và các kênh thanh toán trực tuyến, giúp khách hàng chủ động hơn trong việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Sang năm 2025, doanh số thu nợ cho vay SXKD đạt 805,4 tỷ đồng, tăng 104,54 tỷ đồng (tương đương tăng 14,92%) so với năm 2024, chiếm tỉ trọng 49,93%, phản ánh công tác thu hồi nợ được tiếp tục thực hiện hiệu quả và ổn định, góp phần nâng cao chất lượng cho vay và giảm thiểu rủi ro phát sinh.

Về dư nợ cuối kỳ cho vay SXKD tiếp tục duy trì xu hướng tăng qua các năm, phản ánh nhu cầu vay vốn phục vụ hoạt động SXKD của khách hàng vẫn duy trì ở mức cao. Cụ thể, năm 2024 dư nợ cuối kỳ cho vay SXKD đạt 728,55 tỷ đồng, tăng 77,99 tỷ đồng (tương đương tăng 11,99%) so với năm 2023. Sang năm 2025 chỉ tiêu này tiếp tục đạt 873,11 tỷ đồng, tăng 144,56 tỷ đồng (tương đương tăng 19,84%) so với năm 2024, chiếm tỉ trọng 44,49%. Sự gia tăng này xuất phát từ định hướng mở rộng hoạt động cho vay SXKD và đa dạng hoá danh mục cho vay của Chi nhánh. Ngoài ra, mức tăng trưởng này có được còn nhờ Chi nhánh đã giữ chân khách hàng hiệu quả qua quy trình giải ngân cho các lần vay tiếp theo được xử lý nhanh gọn, hồ sơ đơn giản hơn,

khuyến khích khách hàng tiếp tục vay vốn sau khi hoàn tất nghĩa vụ trả nợ, góp phần mở rộng quy mô cho vay SXKD và gia tăng nguồn thu cho Chi nhánh.

Mặc dù công tác thu hồi nợ khá tốt, tuy nhiên Chi nhánh vẫn tồn tại nợ xấu trong cho vay SXKD. Năm 2024 nợ xấu cho vay SXKD đạt 7,49 tỷ đồng, giảm 1,9 tỷ đồng (tương đương giảm 20,23%) so với năm 2023, kéo theo tỷ lệ nợ xấu giảm từ 1,44% xuống 1,03%. Sang năm 2025 chỉ tiêu này đạt 11,13 tỷ đồng, tăng 3,64 tỷ đồng (tương đương tăng 48,6%) so với năm 2024, làm cho tỷ lệ nợ xấu tăng từ 1,03% lên 1,27%. Việc nợ xấu giảm trong năm 2024 là nhờ Chi nhánh đã thực hiện tốt các biện pháp kiểm soát rủi ro, mở rộng danh mục cho vay theo hướng an toàn và chủ động xử lý các khoản nợ có dấu hiệu phát sinh rủi ro. Tuy nhiên, nợ xấu tăng trở lại trong năm 2025 phản ánh sự gia tăng chi phí vốn của một bộ phận khách hàng thuộc lĩnh vực thương mại và xuất khẩu, tạo áp lực lên dòng tiền và làm suy giảm khả năng trả nợ. Chi nhánh cần tiếp tục nâng cao chất lượng thẩm định phương án SXKD và khả năng trả nợ của khách hàng, đồng thời tăng cường hiệu quả công tác cảnh báo rủi ro sớm nhằm kịp thời xử lý các khoản vay có dấu hiệu phát sinh nợ xấu, góp phần đảm bảo an toàn và nâng cao chất lượng hoạt động cho vay SXKD.

2.2.2.2. Tình hình cho vay SXKD theo đối tượng của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn 2023 - 2025

Bảng 2.5. Tình hình cho vay SXKD theo đối tượng của Ngân hàng TMCP

Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn 2023 - 2025

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

Năm	2023		2024		2025		Chênh lệch 2024/2023		Chênh lệch 2025/2024	
Chỉ tiêu	Số tiền	Tỉ trọng (%)	Số tiền	Tỉ trọng (%)	Số tiền	Tỉ trọng (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)
Doanh số cho vay SXKD	601,86	100	778,85	100	949,96	100	176,99	29,41	171,11	21,97
KHCN	193,09	32,08	279,64	35,9	349,42	36,78	86,55	44,83	69,78	24,95
KHDN	408,78	67,92	499,21	64,1	600,54	63,22	90,44	22,12	101,33	20,3
Doanh số thu nợ cho vay SXKD	512,65	100	700,86	100	805,4	100	188,21	36,71	104,54	14,92
KHCN	155,18	30,27	237,15	33,84	286,41	35,56	81,97	52,82	49,26	20,77
KHDN	357,47	69,73	463,71	66,16	518,99	64,44	106,2	29,72	55,28	11,92

Dư nợ cuối kỳ cho vay SXKD	650,56	100	728,55	100	873,11	100	77,99	11,99	144,56	19,84
KHCN	196,91	30,27	239,39	32,86	302,4	34,63	42,48	21,58	63,01	26,32
KHDN	453,65	69,73	489,16	67,14	570,71	65,37	35,51	7,83	81,55	16,67
Nợ xấu cho vay SXKD	9,39	100	7,49	100	11,13	100	(1,9)	(20,22)	3,64	48,6
KHCN	3,87	41,22	3,04	40,59	4,76	42,77	(0,8)	(20,67)	1,72	56,58
KHDN	5,52	58,78	4,45	59,41	6,37	57,23	(1,1)	(19,93)	1,92	43,15
Tỉ lệ nợ xấu cho vay SXKD (%)	1,44		1,03		1,27		-	-	-	-
KHCN	1,97		1,27		1,57		-	-	-	-
KHDN	1,22		0,91		1,12		-	-	-	-

(Nguồn: Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng)

Qua bảng số liệu 2.5, có thể nhận thấy tình hình cho vay SXKD theo đối tượng của Chi nhánh trong giai đoạn 2023 - 2025 có xu hướng tăng qua các năm.

Đối với doanh số cho vay SXKD, năm 2024 nhóm KHCN đạt 279,64 tỷ đồng, tăng 86,55 tỷ đồng (tương đương tăng 44,83%) so với năm 2023. Sang năm 2025 nhóm này tiếp tục đạt 349,42 tỷ đồng, tăng 69,78 tỷ đồng (tương đương tăng 24,95%) so với năm 2024. Mức tăng này xuất phát từ việc hoạt động kinh doanh của KHCN ngày càng đa dạng, đặc biệt là xu hướng kết hợp giữa kinh doanh truyền thống và các nền tảng thương mại điện tử (Shopee, Grab, Tiktok..). Đồng thời, sự phục hồi của nền kinh tế nói chung và hoạt động du lịch tại Đà Nẵng nói riêng vào đầu năm 2025 đã thúc đẩy các ngành dịch vụ, lưu trú và bán lẻ phát triển, qua đó làm gia tăng nhu cầu vay vốn SXKD.

Trong khi đó, nhóm KHDN tiếp tục giữ vai trò chủ lực trong cơ cấu cho vay SXKD của Chi nhánh. Cụ thể, năm 2024 cho vay SXKD đối với KHDN đạt 499,21 tỷ đồng, tăng 90,44 tỷ đồng (tương đương tăng 22,12%) so với năm 2023. Sang năm 2025 nhóm này tiếp tục đạt 600,54 tỷ đồng, tăng 101,33 tỷ đồng (tương đương tăng 20,3%) so với năm 2024. Kết quả trên phản ánh nhu cầu bổ sung vốn lưu động và đầu tư tài sản cố định của nhóm KHDN tiếp tục gia tăng. Ngoài ra trong năm 2024, việc Chi nhánh triển khai nhiều sản phẩm, nổi bật là “*Vay nhanh bổ sung vốn kinh doanh*” dành cho doanh nghiệp SME đã góp phần giúp duy trì tốc độ tăng trưởng cho vay ổn định. Sản phẩm này có ưu điểm như doanh nghiệp có thời gian hoạt động từ 1 năm trở

lên đã có thể tiếp cận sản phẩm, thời gian phê duyệt nhanh trong khoảng 8 giờ làm việc, hạn mức 10 tỷ đồng, ưu đãi giảm 0,5% lãi suất so với mức thông thường và kỳ hạn tối đa 36 tháng. Nhờ vậy, doanh nghiệp có thể tiếp cận nguồn vốn thuận lợi hơn, góp phần thúc đẩy doanh số cho vay tăng qua các năm.

Đối với doanh số thu nợ cho vay SXKD, nhóm KHCN ghi nhận mức tăng trưởng tốt qua các năm. Cụ thể, năm 2024 doanh số thu nợ cho vay SXKD đối với KHCN đạt 237,15 tỷ đồng, tăng 81,97 tỷ đồng (tương đương tăng 52,82%) so với năm 2023. Sang năm 2025 doanh số này tiếp tục đạt 286,41 tỷ đồng, tăng 49,26 tỷ đồng (tương đương tăng 20,77%) so với năm 2024, chiếm tỉ trọng 35,56%. Điều này thể hiện được việc Chi nhánh đã tăng cường quản lý rủi ro từ khâu thẩm định đến theo dõi khoản vay sau giải ngân. Đồng thời, Chi nhánh còn đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong quản lý và nhắc nợ thông qua OCB OMNI, Email và SMS Banking, giúp khách hàng chủ động theo dõi lịch thanh toán và trả nợ đúng hạn.

Tiếp đó, KHDN là nhóm khách hàng đóng góp phần lớn doanh số thu nợ SXKD của Chi nhánh. Cụ thể năm 2024 doanh số thu nợ đối với KHDN đạt 463,71 tỷ đồng, tăng 106,2 tỷ đồng (tương đương 29,72%) so với năm 2023. Đến năm 2025 nhóm này tiếp tục đạt 518,99 tỷ đồng, tăng 55,28 tỷ đồng (tương đương tăng 11,92%) so với năm 2024. Do tình hình kinh tế dần ổn định, nhu cầu tiêu dùng và hoạt động thương mại phục hồi đã giúp một số doanh nghiệp cải thiện doanh thu và dòng tiền. Nhờ đó, khả năng thanh toán nợ vay của nhóm khách hàng này được cải thiện, góp phần làm tăng doanh số thu nợ cho vay SXKD tăng lên.

Về dư nợ cuối kỳ, nhóm KHCN có xu hướng tăng liên tục qua các năm. Cụ thể, năm 2024 dư nợ cuối kỳ cho vay SXKD đối với KHCN đạt 239,39 tỷ đồng, tăng 42,48 tỷ đồng (tương đương tăng 21,58%) so với năm 2023. Sang năm 2025 nhóm này tiếp tục đạt 302,4 tỷ đồng, tăng 63,01 tỷ đồng (tương đương tăng 26,32%) so với năm 2024, chiếm tỉ trọng 34,63%. Mức tăng này xuất phát từ việc hoạt động SXKD của KHCN có dấu hiệu phục hồi tích cực, kéo theo nhu cầu vay vốn để duy trì và mở rộng kinh doanh gia tăng vào năm 2025. Đồng thời, Chi nhánh cũng chú trọng mở rộng cho vay đối với nhóm khách hàng này, làm phát sinh thêm nhiều khoản vay mới và góp phần khiến dư nợ cuối kỳ cho vay SXKD tăng lên.

Dư nợ cuối kỳ cho vay SXKD đối với KHDN cũng có xu hướng tăng tương tự. Trong đó, năm 2024 dư nợ cuối kỳ cho vay SXKD đối với KHDN đạt 489,16 tỷ đồng,

tăng 35,51 tỷ đồng (tương đương tăng 7,83%) so với năm 2023. Sang năm 2025 chỉ tiêu này đạt 570,71 tỷ đồng, tăng 81,55 tỷ đồng (tương đương tăng 16,67%) so với năm 2024. Sự gia tăng này chủ yếu đến từ việc KHDN phát sinh thêm các khoản vay SXKD mới trong năm 2025, trong khi nhiều khoản vay cũ vẫn chưa đến thời điểm tái toán. Bên cạnh đó, việc kéo dài thời hạn vay kết hợp với chính sách ân hạn nợ gốc ban đầu đã giúp doanh nghiệp thuận lợi hơn trong việc cân đối tài chính và duy trì hoạt động kinh doanh.

Về nợ xấu cho vay SXKD đối với KHCN năm 2024 đạt 3,04 tỷ đồng, giảm 0,8 tỷ đồng (tương đương giảm 20,67%) so với năm 2023, kéo theo tỷ lệ nợ xấu giảm từ 1,97% xuống 1,27%. Đến năm 2025 nợ xấu nhóm này đạt 4,76 tỷ đồng, tăng 1,72 tỷ đồng (tương đương tăng 56,58%) so với năm 2024, làm cho tỷ lệ nợ xấu tăng từ 1,27% lên 1,57%. Đáng chú ý, mức tăng trong năm 2025 cho thấy rủi ro trong cho vay có dấu hiệu gia tăng trở lại. Nguyên nhân chủ yếu là do một bộ phận khách hàng gặp khó khăn trong hoạt động kinh doanh, dòng tiền thu hồi thiếu ổn định nên khả năng trả nợ bị ảnh hưởng. Bên cạnh đó, số lượng khách hàng phát sinh khó khăn tài chính trong năm 2025 gia tăng cũng làm khối lượng hồ sơ cần theo dõi và xử lý nợ tăng lên, khiến cho bộ phận quản lý nợ mất nhiều thời gian hơn trong việc rà soát, xác minh và đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng.

Đối với KHDN, nợ xấu cũng có biến động nhưng vẫn được kiểm soát trong ngưỡng an toàn. Cụ thể, năm 2024 nợ xấu cho vay SXKD đối với KHDN đạt 4,45 tỷ đồng, giảm 1,1 tỷ đồng (tương đương giảm 19,93%) so với năm 2023, kéo theo tỷ lệ nợ xấu giảm từ 1,22% xuống 0,91%. Đến năm 2025 đạt 6,37 tỷ đồng, tăng 1,92 tỷ đồng (tương đương tăng 43,15%) so với năm 2024, làm cho tỷ lệ nợ xấu tăng từ 0,91% lên 1,12%. Bên cạnh các doanh nghiệp có dấu hiệu phục hồi, vẫn còn một số các doanh nghiệp khác trong năm 2025 gặp khó khăn do bị ảnh hưởng bởi chi phí nguyên vật liệu tăng cao, gây áp lực tài chính và làm suy giảm khả năng trả nợ. Dù Chi nhánh đã tăng cường công tác giám sát và cảnh báo rủi ro sớm, hiệu quả kiểm soát vẫn bị hạn chế do hoạt động SXKD của doanh nghiệp chịu ảnh hưởng lớn từ biến động thị trường và các yếu tố kinh tế bên ngoài.

2.2.2.3. Tình hình cho vay SXKD theo thời hạn của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn 2023 - 2025

Bảng 2.6. Tình hình cho vay SXKD theo thời hạn của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn 2023 - 2025

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

Năm	2023		2024		2025		Chênh lệch 2024/2023		Chênh lệch 2025/2024	
Chỉ tiêu	Số tiền	Tỉ trọng (%)	Số tiền	Tỉ trọng (%)	Số tiền	Tỉ trọng (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)
Doanh số cho vay SXKD	601,86	100	778,85	100	949,96	100	176,99	29,41	171,11	21,97
Ngắn hạn	212,89	35,37	275,28	35,34	343,34	36,14	62,39	29,31	68,06	24,72
Trung, dài hạn	388,97	64,63	503,57	64,66	606,62	63,86	114,6	29,46	103,05	20,46
Doanh số thu nợ cho vay SXKD	512,65	100	700,86	100	805,4	100	188,21	36,71	104,54	14,92
Ngắn hạn	162,57	31,71	235,26	33,57	283,11	35,15	72,69	44,71	47,85	20,34
Trung, dài hạn	350,08	68,29	465,6	66,43	522,29	64,85	115,52	33	56,69	12,18
Dư nợ cuối kỳ cho vay SXKD	650,56	100	728,55	100	873,11	100	77,99	11,99	144,56	19,84
Ngắn hạn	241,02	37,05	281	38,57	341,3	39,09	39,98	16,59	60,3	21,46
Trung, dài hạn	409,54	62,95	447,55	61,43	531,81	60,91	38,01	9,28	84,26	18,83
Nợ xấu cho vay SXKD	9,39	100	7,49	100	11,13	100	(1,9)	(20,23)	3,64	48,6
Ngắn hạn	2,67	28,43	2,24	29,91	3,44	30,91	(0,43)	(16,1)	1,2	53,57
Trung, dài hạn	6,72	71,57	5,25	70,09	7,69	69,09	(1,47)	(21,88)	2,44	46,48
Tỉ lệ nợ xấu cho vay SXKD (%)	1,44		1,03		1,27		-	-	-	-
Ngắn hạn	1,11		0,8		1,01		-	-	-	-
Trung, dài hạn	1,64		1,17		1,45		-	-	-	-

(Nguồn: Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng)

Qua bảng số liệu 2.6, có thể nhận thấy tình hình cho vay SXKD theo thời hạn của Chi nhánh trong giai đoạn 2023 - 2025 có xu hướng tăng qua các năm.

Đối với doanh số cho vay SXKD, năm 2024 nhóm ngắn hạn đạt 275,28 tỷ đồng, tăng 62,39 tỷ đồng (tương đương tăng 29,31%) so với năm 2023. Sang năm 2025 nhóm này tiếp tục đạt 343,34 tỷ đồng, tăng 68,06 tỷ đồng (tương đương tăng 24,72%) so với năm 2024, chiếm tỉ trọng 36,14%. Trong giai đoạn này, nhu cầu nhập hàng hoá, thanh toán chi phí vận hành và duy trì hoạt động kinh doanh của khách hàng gia tăng đã kéo theo việc phát sinh nhu cầu vay bổ sung vốn lưu động. Đồng thời, ở năm 2025 Chi nhánh đã tập trung đáp ứng nhu cầu vốn ngắn hạn thông qua việc triển khai gói vay với hạn mức tối đa 5 tỷ đồng và lãi suất ưu đãi từ 5,1%/năm, qua đó góp phần thúc đẩy doanh số cho vay SXKD ngắn hạn tăng trưởng, đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn lưu động của khách hàng trên địa bàn.

Trong khi đó, cho vay SXKD trung dài hạn tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu cho vay SXKD. Cụ thể, năm 2024 nhóm trung dài hạn đạt 503,57 tỷ đồng, tăng 114,6 tỷ đồng (tương đương tăng 29,46%) so với năm 2023. Sang năm 2025 nhóm này tiếp tục đạt 606,62 tỷ đồng, tăng 103,05 tỷ đồng (tương đương tăng 20,46%) so với năm 2024. Kết quả này phản ánh nhu cầu mở rộng đầu tư và phát triển hoạt động SXKD của doanh nghiệp và hộ kinh doanh trên địa bàn ngày càng gia tăng. Nắm bắt nhu cầu đó, Chi nhánh đã triển khai linh hoạt nhiều sản phẩm phù hợp với nhu cầu của khách hàng. Tiêu biểu là sản phẩm *“Cho vay trung dài hạn đầu tư tài sản cố định, tài trợ dự án”* với chính sách ân hạn nợ gốc cho đến khi dự án đi vào hoạt động, giúp khách hàng chủ động hơn trong việc cân đối nguồn vốn và hoàn thiện dự án. Điều này góp phần thu hút các khoản vay có quy mô lớn, thúc đẩy tăng trưởng doanh số cho vay trung dài hạn qua các năm.

Tương tự doanh số cho vay, doanh số thu nợ cho vay SXKD theo thời hạn cũng ghi nhận mức tăng trưởng tích cực. Cụ thể, năm 2024 doanh số thu nợ cho vay SXKD ngắn hạn đạt 235,26 tỷ đồng, tăng 72,69 tỷ đồng (tương đương tăng 44,71%) so với năm 2023. Sang năm 2025 doanh số thu nợ cho vay SXKD đối với nhóm này tiếp tục đạt 283,11 tỷ đồng, tăng 47,85 tỷ đồng (tương đương tăng 20,34%) so với năm 2024, chiếm tỉ trọng 35,15%. Việc ứng dụng các phương thức thanh toán trực tuyến thông qua nền tảng số OCB OMNI đã giúp khách hàng thực hiện nghĩa vụ tài chính mọi lúc, mọi nơi một cách nhanh chóng tiện lợi. Nhờ đó, công tác thu nợ cho vay SXKD ngắn

hạn được thực hiện tốt hơn, góp phần đảm bảo tiến độ thu hồi nợ và ổn định chất lượng cho vay, nâng cao hiệu quả quản lý các khoản vay của Chi nhánh trong giai đoạn này.

Đối với nhóm trung dài hạn, doanh số thu nợ tiếp tục duy trì quy mô lớn và ổn định. Cụ thể, năm 2024 doanh số thu nợ cho vay SXKD trung dài hạn đạt 465,6 tỷ đồng, tăng 115,52 tỷ đồng (tương đương tăng 33%) so với năm 2023. Sang năm 2025 chỉ tiêu này tiếp tục đạt 522,29 tỷ đồng, tăng 56,69 tỷ đồng (tương đương tăng 12,18%) so với năm 2024. Kết quả này chủ yếu đến từ việc bộ phận phân tích cho vay của Chi nhánh đã làm tương đối tốt việc đánh giá khả năng trả nợ dựa trên dòng tiền kinh doanh, hiệu quả hoạt động SXKD và phương án sử dụng vốn vay của khách hàng. Đồng thời, các khoản vay trung dài hạn thường gắn với chu kỳ kinh doanh và kế hoạch đầu tư cụ thể, qua đó khách hàng cũng chủ động hơn trong việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ, góp phần duy trì chất lượng và hiệu quả hoạt động cho vay SXKD của Chi nhánh.

Về dư nợ cuối kỳ, cho vay SXKD ngắn hạn ghi nhận xu hướng tăng qua các năm. Cụ thể, năm 2024 dư nợ cuối kỳ cho vay SXKD ngắn hạn đạt 281 tỷ đồng, tăng 39,98 tỷ đồng (tương đương tăng 16,59%) so với năm 2023. Sang năm 2025 chỉ tiêu này tiếp tục đạt 341,3 tỷ đồng, tăng 60,3 tỷ đồng (tương đương tăng 21,46%) so với năm 2024, chiếm tỉ trọng 39,09%. Sự gia tăng này cho thấy các khoản vay ngắn hạn được duy trì khá thường xuyên trong quá trình SXKD của khách hàng. Bên cạnh đó, Chi nhánh cũng linh hoạt cấp hạn mức cho vay theo nhu cầu thực tế và chu kỳ kinh doanh của từng khách hàng, giúp khách hàng chủ động hơn trong việc bổ sung vốn lưu động và duy trì hoạt động kinh doanh liên tục, góp phần mở rộng quy mô dư nợ cuối kỳ cho vay SXKD ngắn hạn của Chi nhánh.

Tiếp đến dư nợ cuối kỳ cho vay SXKD trung dài hạn cũng ghi nhận mức tăng tương tự. Cụ thể, năm 2024 dư nợ cuối kỳ cho vay SXKD trung dài hạn đạt 447,55 tỷ đồng, tăng 38,01 tỷ đồng (tương đương tăng 9,28%) so với năm 2023. Sang năm 2025, chỉ tiêu này tiếp tục đạt 531,81 tỷ đồng, tăng 84,26 tỷ đồng (tương đương tăng 18,83%) so với năm 2024. Xuất phát từ việc Chi nhánh tiếp tục giải ngân các khoản vay mới phục vụ nhu cầu đầu tư của khách hàng, trong khi các khoản vay đã phát sinh trước đó vẫn đang trong quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng nên chưa được tất toán hoàn toàn. Điều này làm cho dư nợ cuối kỳ cho vay SXKD trung dài hạn được

duy trì ở mức cao qua các năm, phản ánh nhu cầu đầu tư và mở rộng hoạt động SXKD tiếp tục gia tăng.

Về nợ xấu cho vay SXKD theo thời hạn ghi nhận có sự biến động không đồng đều. Cụ thể, nợ xấu cho vay SXKD ngắn hạn năm 2024 đạt 2,24 tỷ đồng, giảm 0,43 tỷ đồng (tương đương giảm 16,1%) so với năm 2023, kéo theo tỷ lệ nợ xấu giảm từ 1,11% xuống 0,8%. Sang năm 2025 đạt 3,44 tỷ đồng, tăng 1,2 tỷ đồng (tương đương tăng 53,57%) so với năm 2024, làm cho tỷ lệ nợ xấu tăng từ 0,8% lên 1,01%. Bên cạnh một số khách hàng gặp khó khăn trong việc duy trì hiệu quả hoạt động kinh doanh dẫn đến dòng tiền thu hồi chưa ổn định trong năm 2025, công tác quản lý sau vay và giám sát rủi ro của Chi nhánh trong một số thời điểm chưa theo kịp sự biến động của thị trường cũng ảnh hưởng đến khả năng phát hiện và xử lý sớm các khoản vay có dấu hiệu rủi ro. Ngoài ra, đặc thù hoạt động SXKD ngắn hạn chịu ảnh hưởng nhanh từ biến động giá cả và nhu cầu thị trường cũng làm gia tăng áp lực trả nợ trong ngắn hạn, khiến nguy cơ phát sinh nợ xấu tiếp tục gia tăng trong kỳ, làm ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động cho vay SXKD ngắn hạn của Chi nhánh.

Tiếp đến nợ xấu cho vay SXKD trung dài hạn năm 2024 đạt 5,25 tỷ đồng, giảm 1,47 tỷ đồng (tương đương giảm 21,88%) so với năm 2023, kéo theo tỷ lệ nợ xấu giảm từ 1,64% xuống 1,17%. Đến năm 2025, nợ xấu cho vay SXKD trung dài hạn đạt 7,69 tỷ đồng, tăng 2,44 tỷ đồng (tương đương tăng 46,48%) so với năm 2024, làm cho tỷ lệ nợ xấu tăng từ 1,17% lên 1,45%. Biến động này phản ánh sự gia tăng rủi ro trong hoạt động cho vay trung dài hạn, khi một số phương án SXKD chưa đạt hiệu quả như kỳ vọng. Đồng thời, đặc thù thời gian thu hồi vốn kéo dài và phụ thuộc vào hiệu quả hoạt động SXKD của khách hàng khiến việc kiểm soát và thu hồi nợ gặp nhiều thách thức hơn, qua đó làm nợ xấu có xu hướng tăng trở lại trong năm 2025, ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả hoạt động cho vay SXKD của Chi nhánh, đồng thời gia tăng áp lực trong công tác quản lý và xử lý nợ xấu.

2.2.2.4. Tình hình cho vay SXKD theo hình thức bảo đảm khoản vay của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn 2023 - 2025

Bảng 2.7. Tình hình cho vay SXKD theo hình thức bảo đảm khoản vay của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn 2023 - 2025

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

Năm	2023		2024		2025		Chênh lệch 2024/2023		Chênh lệch 2025/2024	
Chỉ tiêu	Số tiền	Tỉ trọng (%)	Số tiền	Tỉ trọng (%)	Số tiền	Tỉ trọng (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)
Doanh số cho vay SXKD	601,86	100	778,85	100	949,96	100	176,99	29,41	171,11	21,97
Đảm bảo bằng tài sản	549,93	91,37	712,14	91,43	852,04	89,69	162,21	29,5	139,9	19,65
Đảm bảo không bằng tài sản	51,93	8,63	66,71	8,57	97,92	10,31	14,78	28,46	31,21	46,78
Doanh số thu nợ cho vay SXKD	512,65	100	700,86	100	805,4	100	188,21	36,71	104,54	14,92
Đảm bảo bằng tài sản	468	91,29	643,16	91,77	723,02	89,77	175,16	37,43	79,86	12,42
Đảm bảo không bằng tài sản	44,65	8,71	57,7	8,23	82,38	10,23	13,05	29,23	24,68	42,77
Dư nợ cuối kỳ cho vay SXKD	650,56	100	728,55	100	873,11	100	77,99	11,99	144,56	19,84
Đảm bảo bằng tài sản	590,11	90,71	659,1	90,47	788,1	90,26	68,99	11,69	129	19,57
Đảm bảo không bằng tài sản	60,45	9,29	69,45	9,53	85,01	9,74	9	14,89	15,56	22,4
Nợ xấu cho vay SXKD	9,39	100	7,49	100	11,13	100	(1,90)	(20,23)	3,64	48,6
Đảm bảo bằng tài sản	8,62	91,8	6,79	90,65	9,92	89,13	(1,83)	(21,23)	3,13	46,1
Đảm bảo không bằng tài sản	0,77	8,2	0,7	9,35	1,21	10,87	(0,07)	(9,09)	0,51	72,86

Tỷ lệ nợ xấu cho vay SXKD (%)	1,44	1,03	1,27	-	-	-	-
Đảm bảo bằng tài sản	1,46	1,03	1,26	-	-	-	-
Đảm bảo không bằng tài sản	1,27	1,01	1,42	-	-	-	-

(Nguồn: Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng)

Qua bảng số liệu 2.7, có thể nhận thấy tình hình cho vay SXKD theo hình thức đảm bảo khoản vay của Chi nhánh trong giai đoạn 2023 - 2025 có xu hướng tăng qua các năm.

Về doanh số cho vay SXKD đảm bảo bằng tài sản chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu cho vay SXKD của Chi nhánh. Năm 2024 doanh số cho vay SXKD đảm bảo bằng tài sản đạt 712,14 tỷ đồng, tăng 162,21 tỷ đồng (tương đương tăng 29,5%) so với năm 2023. Việc triển khai hiệu quả các chính sách cho vay SXKD trong năm 2024, trong đó nổi bật là chính sách tài trợ đầu tư tài sản cố định với tỷ lệ cho vay lên tới 90% giá trị TSĐB và tài trợ đến 70% tổng nhu cầu vốn, đã giúp Chi nhánh mở rộng thành công tệp khách hàng lớn cũng như thúc đẩy doanh số này duy trì đà tăng trưởng. Sang năm 2025, doanh số này tiếp tục đạt 832,04 tỷ đồng, tăng 139,9 tỷ đồng (tương đương tăng 19,65%) so với năm 2024, phản ánh xu hướng tiếp tục tăng trưởng ổn định của phân khúc cho vay SXKD đảm bảo bằng tài sản.

Tương tự, doanh số cho vay SXKD đảm bảo không bằng tài sản cũng ghi nhận xu hướng tăng qua các năm. Cụ thể, năm 2024 doanh số cho vay SXKD đảm bảo không bằng tài sản đạt 66,71 tỷ đồng, tăng 14,78 tỷ đồng (tương đương tăng 28,46%) so với năm 2023. Sang năm 2025 doanh số cho vay SXKD nhóm này tiếp tục đạt 97,92 tỷ đồng, tăng 31,21 tỷ đồng (tương đương tăng 46,78%) so với năm 2024, chiếm tỉ trọng 10,31%. Kết quả này chủ yếu đến từ việc Chi nhánh chú trọng việc tiếp cận nhóm khách hàng có năng lực tài chính ổn định, lịch sử tín dụng tốt nhưng chưa tích lũy đủ tài sản có giá trị để thực hiện thế chấp. Điều này góp phần mở rộng khả năng tiếp cận vốn của khách hàng, qua đó làm gia tăng doanh số cho vay SXKD của nhóm này.

Về doanh số thu nợ cho vay SXKD đảm bảo bằng tài sản tiếp tục chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu thu nợ cho vay SXKD của Chi nhánh và duy trì xu hướng tăng qua các năm. Đáng chú ý, năm 2024 doanh số thu nợ cho vay SXKD đảm bảo bằng tài

sản đạt 643,16 tỷ đồng, tăng 175,16 tỷ đồng (tương đương tăng 37,43%) so với năm 2023. Kết quả này đến từ việc bộ phận thẩm định và quản lý tín dụng của Chi nhánh đã thực hiện chặt chẽ quy trình thẩm định, đảm bảo khách hàng có năng lực tài chính và nguồn trả nợ rõ ràng. Việc có TSDB cũng nâng cao trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, làm cho khách hàng có ý thức trả đúng hạn, từ đó góp phần hạn chế rủi ro cho vay. Sang năm 2025, doanh số này đạt 723,02 tỷ đồng, tăng 79,86 tỷ đồng (tương đương tăng 12,42%) so với năm 2024, cho thấy công tác thu nợ của Chi nhánh được tiếp tục duy trì hiệu quả và ổn định.

Tiếp đến, doanh số thu nợ cho vay SXKD đảm bảo không bằng tài sản cũng ghi nhận xu hướng tăng qua các năm. Cụ thể, năm 2024 doanh số thu nợ cho vay SXKD đảm bảo không bằng tài sản đạt 54,7 tỷ đồng, tăng 13,05 tỷ đồng (tương đương tăng 29,23% so với năm 2023). Sang năm 2025 chỉ tiêu này tiếp tục đạt 82,38 tỷ đồng, tăng 24,68 tỷ đồng (tương đương tăng 42,77%) so với năm 2024, chiếm tỉ trọng 10,23%. Kết quả này cho thấy Chi nhánh đã kiểm soát khá tốt chất lượng cho vay thông qua việc lựa chọn khách hàng có phương án SXKD khả thi, nguồn thu ổn định và lịch sử tín dụng tốt. Đồng thời, Chi nhánh cũng duy trì trao đổi và nhắc nhở khách hàng thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn. Qua đó góp phần duy trì chất lượng cho vay ổn định.

Về dư nợ cuối kỳ cho vay SXKD vẫn tập trung chủ yếu ở nhóm đảm bảo bằng tài sản. Cụ thể, năm 2024 đạt 659,1 tỷ đồng, tăng 68,99 tỷ đồng (tương đương tăng 11,69%) so với năm 2023. Sang năm 2025 chỉ tiêu này tiếp tục đạt 788,1 tỷ đồng, tăng 129 tỷ đồng (tương đương tăng 19,57%) so với năm 2024. Trong bối cảnh nhu cầu vốn phục vụ SXKD ngày càng tăng, đặc biệt là nhu cầu mở rộng quy mô, bổ sung vốn lưu động và đầu tư thiết bị, làm cho vay có TSDB có xu hướng gia tăng. Trên cơ sở đó, Chi nhánh duy trì tỷ trọng lớn nhóm cho vay này trong danh mục SXKD, góp phần vừa thúc đẩy tăng trưởng cho vay vừa kiểm soát rủi ro. Việc xác định hạn mức hợp lý dựa trên giá trị TSDB giúp nâng cao an toàn tín dụng và hướng đến tăng trưởng dư nợ ổn định, bền vững.

Tiếp đến, dư nợ cuối kỳ cho vay SXKD đảm bảo không bằng tài sản cũng ghi nhận mức tăng tương tự. Trong đó, năm 2024 dư nợ cuối kỳ cho vay SXKD đảm bảo không bằng tài sản đạt 69,45 tỷ đồng, tăng 9 tỷ đồng (tương đương tăng 14,89%) so với năm 2023. Sang năm 2025 chỉ tiêu này tiếp tục đạt 85,01 tỷ đồng, tăng 15,56 tỷ đồng (tương đương tăng 22,4%) so với năm 2024. Điều này phản ánh một số bộ phận khách

hàng có xu hướng ưu tiên các khoản vay không có TSDB nhằm giảm áp lực thế chấp tài sản và rút ngắn thời gian tiếp cận vốn. Bên cạnh đó, Chi nhánh đã ứng dụng eKYC trong quy trình tiếp nhận và xử lý hồ sơ thông qua việc định danh điện tử và đối chiếu dữ liệu trên hệ thống. Nhờ vậy, khách hàng có thể thực hiện một số bước ban đầu trên nền tảng số, giúp giảm thủ tục giấy tờ và rút ngắn thời gian tiếp nhận hồ sơ.

Về nợ xấu cho vay SXKD đảm bảo bằng tài sản ghi nhận biến động không đồng đều. Cụ thể năm 2024 nợ xấu cho vay SXKD đảm bảo bằng tài sản đạt 6,79 tỷ đồng, giảm 1,83 tỷ đồng (tương đương giảm 21,23%) so với năm 2023, kéo theo tỷ lệ nợ xấu giảm từ 1,46% xuống 1,03%. Sang năm 2025 đạt 9,92 tỷ đồng, tăng 3,13 tỷ đồng (tương đương tăng 46,1%) so với năm 2024, làm cho tỷ lệ nợ xấu tăng từ 1,03% lên 1,26%. Kết quả này cho thấy chất lượng cho vay vẫn chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi hiệu quả hoạt động SXKD và khả năng tạo dòng tiền của khách hàng. Khi hoạt động kinh doanh suy giảm hoặc chi phí đầu vào tăng, một số khách hàng gặp khó khăn trong cân đối tài chính, làm phát sinh tình trạng chậm trả nợ. Trong trường hợp này, dù có TSDB Chi nhánh vẫn phải đối mặt với việc gia tăng nợ xấu, do quá trình xử lý tài sản thường mất thời gian và phụ thuộc vào điều kiện thị trường.

Tiếp đến nợ xấu cho vay SXKD đảm bảo không bằng tài sản năm 2024 đạt 0,7 tỷ đồng, giảm 0,07 tỷ đồng (tương đương giảm 9,09%) so với năm 2023, kéo theo tỷ lệ nợ xấu giảm từ 1,27% xuống 1,01%. Sang năm 2025 nợ xấu cho vay SXKD nhóm này đạt 1,21 tỷ đồng, tăng 0,51 tỷ đồng (tương đương tăng 72,86%) so với năm 2024, làm cho tỷ lệ nợ xấu tăng từ 1,01% lên 1,42%. Vì cho vay đảm bảo không bằng tài sản nên rủi ro tín dụng phụ thuộc chủ yếu vào dòng tiền và ý thức trả nợ của khách hàng. Trong bối cảnh hoạt động SXKD có sự biến động, một số khách hàng phát sinh khó khăn trong thanh toán dẫn đến nợ quá hạn và chuyển nhóm nợ xấu. Đáng chú ý, dù chiếm tỷ trọng không lớn, nhưng tốc độ tăng nhanh năm cuối cho thấy rủi ro đang có xu hướng tích tụ ở nhóm khách hàng này. Từ đó đặt ra yêu cầu Chi nhánh cần tiếp tục kiểm soát chặt chẽ chất lượng cho vay, nâng cao hiệu quả đánh giá dòng tiền và tăng cường giám sát sau cho vay nhằm đảm bảo tăng trưởng đi đôi với kiểm soát rủi ro.

2.2.2.5. Tỷ lệ sử dụng vốn huy động vào cho vay SXKD của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn 2023 - 2025

Bảng 2.8. Tỷ lệ sử dụng vốn huy động vào cho vay SXKD của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn 2023 - 2025

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

Năm	2023	2024	2025
Chỉ tiêu	Số tiền	Số tiền	Số tiền
Dư nợ cuối kỳ cho vay SXKD	650,56	728,55	873,11
Tổng huy động vốn	2.133,4	1.969,7	2.209,2
Tỷ lệ sử dụng vốn huy động vào cho vay SXKD (%)	30,49	36,99	39,52

Qua bảng số liệu 2.8, có thể thấy tỷ lệ sử dụng vốn huy động cho vay SXKD của Chi nhánh trong giai đoạn 2023 - 2025 có xu hướng tăng qua các năm, từ 30,49% năm 2023 lên 36,99% năm 2024 và tiếp tục đạt 39,52% năm 2025.

Về dư nợ cuối kỳ cho vay SXKD của Chi nhánh có xu hướng tăng qua các năm. Điều này phản ánh hoạt động cho vay SXKD của Chi nhánh được mở rộng ổn định, xuất phát từ nhu cầu vay vốn phục vụ SXKD của khách hàng vẫn duy trì ở mức cao. Qua đó góp phần mở rộng quy mô hoạt động cho vay và tăng khả năng sinh lời. Song song với đó, nguồn vốn huy động cũng có sự tăng trưởng cho thấy Chi nhánh không chỉ làm tốt về mặt cho vay mà còn huy động vốn hiệu quả, làm tăng khả năng cung cấp vốn cho các hoạt động cho vay khác nhau, trong đó có cho vay SXKD.

Về tỷ lệ sử dụng vốn huy động vào cho vay SXKD của Chi nhánh được duy trì tăng trưởng ở mức phù hợp cho thấy nguồn vốn huy động được sử dụng hiệu quả để phục vụ hoạt động cho vay SXKD. Điều này phản ánh Chi nhánh có sự kiểm soát tốt giữa tăng trưởng cho vay và khả năng huy động vốn, tránh tình trạng sử dụng quá mức nguồn vốn huy động ngắn hạn để cho vay dài hạn. Trên thực tế, để đạt được tỷ trọng này là cả một sự nỗ lực trong công tác huy động vốn, Chi nhánh không chỉ cố gắng huy động tiền gửi mà còn chăm sóc cũng như thuyết phục khách hàng gửi tiền với kỳ hạn dài nhất có thể để đảm bảo thêm về nguồn vốn cho vay trung dài hạn.

2.2.2.6. Hệ số thu nợ cho vay SXKD của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn 2023 - 2025

Bảng 2.9. Hệ số thu nợ cho vay SXKD của Ngân hàng TMCP Phương Đông
- Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn 2023 - 2025

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

Năm	2023	2024	2025
Chỉ tiêu	Số tiền	Số tiền	Số tiền
Doanh số cho vay SXKD	601,86	778,85	949,96
Doanh số thu nợ cho vay SXKD	512,65	700,86	805,4
Hệ số thu nợ cho vay SXKD	0,85	0,9	0,85

Qua bảng số liệu 2.9, có thể thấy hệ số thu nợ cho vay SXKD của Chi nhánh trong giai đoạn 2023 - 2025 nhìn chung duy trì ở mức tương đối ổn định nhưng vẫn có sự thay đổi nhất định qua từng năm. Cụ thể, năm 2024 hệ số tăng lên 0,9 cho thấy tốc độ thu nợ được cải thiện rõ hơn so với tốc độ giải ngân, qua đó phản ánh công tác thu hồi nợ, kiểm tra sau cho vay cũng như quản lý khách hàng vay vốn được Chi nhánh thực hiện hiệu quả. Tuy nhiên đến năm 2025, hệ số thu nợ giảm trở lại còn 0,85 do tốc độ tăng trưởng cho vay SXKD diễn ra nhanh hơn tốc độ thu nợ. Trong bối cảnh Chi nhánh đẩy mạnh mở rộng hoạt động cho vay SXKD nhằm đáp ứng nhu cầu vay vốn trung và dài hạn của doanh nghiệp phục vụ mở rộng quy mô sản xuất, đầu tư máy móc thiết bị và bổ sung nguồn vốn kinh doanh, nên một phần dư nợ phát sinh trong năm chưa đến kỳ thu hồi. Vì vậy, doanh số thu nợ chưa thể tăng tương ứng với tốc độ giải ngân trong cùng kỳ.

Mặc dù có sự điều chỉnh giảm so với năm 2024 nhưng mức biến động không lớn, vẫn nằm trong ngưỡng phù hợp với đặc thù hoạt động cho vay SXKD có sự kết hợp giữa các khoản vay ngắn hạn, trung dài hạn. Có thể thấy Chi nhánh vẫn duy trì được khả năng thu hồi nợ ở mức khá tốt, đồng thời vẫn đảm bảo được quá trình mở rộng cho vay phục vụ nhu cầu vốn của khách hàng. Trong thời gian tới, Chi nhánh cần tiếp tục theo dõi chặt chẽ và cân đối hợp lý giữa tốc độ tăng trưởng doanh số cho vay SXKD và doanh số thu nợ cho vay SXKD nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và đảm bảo an toàn tín dụng.

2.2.2.7. Vòng quay vốn tín dụng trong cho vay SXKD của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn 2023 - 2025

Bảng 2.10. Vòng quay vốn tín dụng trong cho vay SXKD của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn 2023 - 2025

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

Năm	2023	2024	2025
Chỉ tiêu	Số tiền	Số tiền	Số tiền
Doanh số thu nợ cho vay SXKD	512,65	700,86	805,4
Dư nợ bình quân cho vay SXKD	605,96	689,56	800,83
<i>Dư nợ đầu kỳ cho vay SXKD</i>	<i>561,35</i>	<i>650,56</i>	<i>728,55</i>
<i>Dư nợ cuối kỳ cho vay SXKD</i>	<i>650,56</i>	<i>728,55</i>	<i>873,11</i>
Vòng quay vốn tín dụng trong cho vay SXKD (vòng)	0,85	1,02	1,01

Qua bảng số liệu 2.10, có thể thấy vòng quay vốn tín dụng trong cho vay SXKD của Chi nhánh trong giai đoạn 2023 - 2025 có xu hướng biến động nhẹ. Cụ thể, năm 2024 vòng quay vốn tín dụng tăng lên 1,02 vòng cho thấy hiệu quả sử dụng vốn được cải thiện. Kết quả này không chỉ đến từ việc doanh số thu nợ tăng nhanh hơn dư nợ bình quân, mà còn do công tác quản lý sau cho vay được tăng cường, việc theo dõi dòng tiền khách hàng chặt chẽ hơn và nhiều khoản vay SXKD đến kỳ thanh toán trong năm giúp tốc độ thu hồi nợ được cải thiện. Bên cạnh đó, việc đẩy mạnh ứng dụng các kênh nhắc nợ và thanh toán điện tử cũng góp phần giúp khách hàng thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn, từ đó làm tăng tốc độ luân chuyển vốn cho vay. Sang năm 2025, vòng quay vốn tín dụng giảm nhẹ xuống 1,01 vòng do dư nợ bình quân tăng nhanh hơn doanh số thu nợ, phản ánh Chi nhánh mở rộng quy mô cho vay SXKD mạnh hơn nhằm đáp ứng nhu cầu vay vốn của doanh nghiệp. Đồng thời, nhiều khoản vay mới được giải ngân làm dư nợ tăng, trong khi một phần khoản vay có thời hạn dài khiến tốc độ thu hồi vốn chưa theo kịp tốc độ giải ngân. Mặc dù vậy, doanh số thu nợ vẫn duy trì tăng trưởng ổn định, cho thấy khả năng thu hồi nợ của Chi nhánh vẫn được đảm bảo. Có thể thấy, vòng quay vốn tín dụng trong cho vay SXKD của Chi nhánh trong giai đoạn này duy trì quanh mức 1 vòng/năm, phản ánh hiệu quả sử dụng vốn ở mức khá tốt.

2.3. Đánh giá hoạt động cho vay SXKD của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn 2023 - 2025

2.3.1. Kết quả đạt được

Qua phân tích thực trạng hoạt động cho vay SXKD của Chi nhánh trong giai đoạn 2023 -2025, có thể ghi nhận một số kết quả tích cực như sau:

Thứ nhất, quy mô cho vay SXKD của Chi nhánh tăng trưởng ổn định qua các năm, thể hiện qua cả doanh số cho vay SXKD và dư nợ cho vay SXKD đều duy trì xu hướng tăng. Việc triển khai các chính sách cũng như các gói vay với hạn mức phù hợp, lãi suất ưu đãi đã giúp khách hàng tiếp cận vốn thuận lợi hơn.

Thứ hai, cơ cấu danh mục cho vay SXKD được điều chỉnh theo hướng đa dạng, phù hợp với xu hướng dịch chuyển nhu cầu vốn trên thị trường. Chi nhánh tiếp tục duy trì KHDN là phân khúc chủ lực, đồng thời mở rộng cho vay đối với KHCN có nhu cầu phát triển hoạt động kinh doanh, trong đó có xu hướng kết hợp với các nền tảng thương mại điện tử.

Thứ ba, chất lượng cho vay SXKD cơ bản được duy trì trong ngưỡng an toàn. Mặc dù có biến động qua từng năm, tỷ lệ nợ xấu cho vay SXKD vẫn nằm trong mức kiểm soát. Điều này cho thấy Chi nhánh đã chú trọng đến công tác thẩm định, lựa chọn khách hàng và quản lý khoản vay.

Thứ tư, Chi nhánh từng bước ứng dụng công nghệ trong hoạt động cho vay SXKD thông qua nền tảng OCB OMNI kết hợp với các công cụ hỗ trợ đánh giá và tra cứu thông tin khách hàng. Việc số hoá quy trình đã giúp giảm bớt thao tác thủ công, nâng cao hiệu quả vận hành và cải thiện trải nghiệm dịch vụ cho khách hàng.

Thứ năm, công tác thu hồi nợ và nhắc nợ được triển khai tương đối hiệu quả. Hệ thống nhắc nợ tự động đa kênh thông qua SMS, Email và OCB OMNI giúp khách hàng chủ động hơn trong việc theo dõi nghĩa vụ thanh toán, từ đó góp phần hạn chế tình trạng chậm thanh toán nợ và hỗ trợ Chi nhánh nâng cao hiệu quả quản lý các khoản vay SXKD.

2.3.2. Hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động cho vay SXKD của Chi nhánh vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định. Thông qua phân tích thực trạng trong cho vay, có thể xác định một số hạn chế và nguyên nhân chủ yếu như sau:

Thứ nhất, nợ xấu cho vay SXKD có xu hướng gia tăng ở năm 2025 và tập trung chủ yếu ở nhóm KHCN, nhưng vẫn được duy trì trong ngưỡng kiểm soát của Chi nhánh. Nguyên nhân xuất phát từ tác động có độ trễ của bối cảnh kinh tế vĩ mô, khi chi phí đầu vào gia tăng và sức mua của thị trường phục hồi chậm, làm ảnh hưởng đến doanh thu và dòng tiền của khách hàng. Điều này khiến khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ bị suy giảm.

Thứ hai, mặc dù công tác thẩm định đạt hiệu quả tốt, việc đánh giá dòng tiền thực tế của khách hàng vẫn chưa thật sự đầy đủ và chính xác. Nguyên nhân đến từ việc Chi nhánh vẫn bị phụ thuộc vào TSDB, chưa khai thác sâu dữ liệu dòng tiền và hành vi tài chính của khách hàng. Chính điều đó đã làm giảm khả năng nhận diện sớm rủi ro, đặc biệt khi khách hàng phát sinh khó khăn tài chính ngoài dự kiến.

Thứ ba, quy trình giải ngân và nhắc nợ đã được số hoá tương đối đồng bộ, tuy nhiên công tác theo dõi khách hàng vẫn phụ thuộc đáng kể vào quá trình kiểm tra của bộ phận quản lý khoản vay. Nguyên nhân do số lượng hồ sơ vay gia tăng nhanh, khối lượng công việc tại bộ phận này cũng tăng theo, dẫn đến việc theo dõi và cập nhật thông tin khách hàng ở một số trường hợp chưa kịp thời. Qua đó ảnh hưởng đến hiệu quả cảnh báo sớm và công tác xử lý rủi ro trong giai đoạn đầu của khoản vay.

Thứ tư, hoạt động marketing và phát triển khách hàng của Chi nhánh vẫn còn một số hạn chế. Việc tiếp cận khách hàng tiềm năng chủ yếu vẫn dựa vào nguồn khách hàng tại quầy và các kênh truyền thống. Nguyên nhân là do hoạt động khảo sát, tiếp cận thị trường và khai thác nhu cầu vốn chưa thực sự sát với thực tế. Bên cạnh đó, các kênh truyền thông số và hoạt động bán chéo sản phẩm chưa được triển khai hiệu quả, làm hạn chế khả năng mở rộng và thu hút khách hàng tiềm năng.

Thứ năm, chất lượng đội ngũ cán bộ cho vay SXKD chưa thật sự đồng đều. Trong quá trình làm việc, một số cán bộ chưa đáp ứng tốt yêu cầu trong bối cảnh chuyển đổi số và cạnh tranh ngày càng cao. Nguyên nhân chủ yếu là do công tác đào tạo chưa thường xuyên, thiếu đánh giá lại sau đào tạo nên kỹ năng của cán bộ chưa đồng đều. Trong đó, việc khen thưởng hay xử phạt cũng chưa gắn nhiều với việc chất lượng và mức độ an toàn tín dụng, nên chưa tạo được động lực rõ ràng trong việc nâng cao chất lượng quản lý và theo dõi khoản vay.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Ngoài việc giới thiệu khái quát về Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng, chương 2 đã phân tích thực trạng hoạt động cho vay SXKD của Chi nhánh trong giai đoạn 2023 - 2025 trên các khía cạnh như quy mô cho vay, cơ cấu khách hàng, thời hạn cho vay, hình thức đảm bảo, tỷ lệ sử dụng vốn huy động vào cho vay, hệ số thu nợ và vòng quay vốn. Nhìn chung, hoạt động cho vay SXKD có xu hướng tăng trưởng ổn định, thể hiện qua sự mở rộng doanh số, dư nợ và tỷ trọng trong tổng dư nợ. Công tác thu nợ cũng được duy trì tương đối hiệu quả, vòng quay vốn ổn định, phản ánh khả năng luân chuyển vốn tốt. Bên cạnh đó, việc ứng dụng công nghệ số trong quản lý cho vay cũng góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động. Tuy nhiên, hoạt động cho vay SXKD vẫn tồn tại một số hạn chế như nợ xấu có xu hướng tăng nhẹ trở lại, cùng với ảnh hưởng từ biến động thị trường và năng lực tài chính của khách hàng. Những nội dung trên chính là cơ sở để đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả cho vay SXKD tại Chi nhánh trong chương tiếp theo.

**CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP MỞ RỘNG HOẠT ĐỘNG CHO VAY SẢN XUẤT
KINH DOANH TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
PHƯƠNG ĐÔNG - CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG TRONG GIAI ĐOẠN TIẾP THEO**

**3.1. Định hướng phát triển về hoạt động cho vay SKXD tại Ngân hàng TMCP
Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng**

**3.1.1. Định hướng chung của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh
Đà Nẵng trong giai đoạn tiếp theo**

Trong giai đoạn tiếp theo, Chi nhánh định hướng phát triển theo hướng tăng trưởng an toàn, bền vững gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động và đẩy mạnh chuyển đổi số.

Thứ nhất, Chi nhánh tiếp tục đa dạng hoá cơ cấu nguồn vốn theo hướng gia tăng tính ổn định, giảm dần sự phụ thuộc vào các nhóm khách hàng có biến động lớn, đồng thời mở rộng tệp KHCN, doanh nghiệp vừa và nhỏ. Bên cạnh việc duy trì các sản phẩm tiền gửi truyền thống, Chi nhánh tập trung phát triển các sản phẩm tiền gửi có tính linh hoạt cao, tích hợp nhiều tiện ích, phù hợp với nhu cầu khách hàng, qua đó từng bước kiểm soát và cải thiện chi phí vốn.

Thứ hai, hoạt động cho vay trong giai đoạn tới sẽ không chỉ tập trung vào tăng trưởng dư nợ mà còn chú trọng nâng cao chất lượng cho vay và hiệu quả sử dụng vốn. Công tác thẩm định, phê duyệt và giám sát sau cho vay tiếp tục được tăng cường nhằm hạn chế phát sinh nợ xấu mới. Đồng thời, Chi nhánh điều chỉnh cơ cấu cho vay theo hướng cân đối giữa ngắn hạn và trung dài hạn, phù hợp với nhu cầu vốn của nền kinh tế. Trong đó, ưu tiên các nhóm khách hàng theo từng lĩnh vực có dòng tiền ổn định, khả năng trả nợ rõ ràng và hiệu quả hoạt động ổn định.

Thứ ba, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong hoạt động quản lý và chăm sóc khách hàng. Chi nhánh tiếp tục khai thác các nền tảng công nghệ do Hội sở triển khai như OCB OMNI và công nghệ định danh điện tử nhằm rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, nâng cao trải nghiệm khách hàng cũng như hỗ trợ quản lý dữ liệu hiệu quả hơn. Ngoài ra, Chi nhánh cũng tăng cường ứng dụng công nghệ trong theo dõi khoản vay, nhắc nợ tự động và quản lý thông tin khách hàng nhằm hỗ trợ mở rộng dịch vụ thanh toán, gia tăng tiền gửi không kỳ hạn và nâng cao hiệu quả quản lý khoản vay.

Thứ tư, Chi nhánh định hướng tăng cường đào tạo toàn diện cho đội ngũ cán bộ, bao gồm chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng tư vấn khách hàng và năng lực nhận diện rủi ro tín dụng nhằm đáp ứng yêu cầu hoạt động ngày càng cao. Song song đó, hệ thống

đánh giá hiệu quả công việc sẽ được hoàn thiện theo hướng gắn với kết quả kinh doanh, chất lượng cho vay và mức độ hoàn thành công việc thực tế, thay vì chỉ dựa trên chỉ tiêu định lượng. Trên cơ sở đó, cơ chế đãi ngộ được điều chỉnh phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả thực thi nghiệp vụ của cán bộ nhân viên.

3.1.2. Định hướng cho vay SXKD tại Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn tiếp theo

Trên cơ sở thực trạng hoạt động cho vay SXKD trong giai đoạn 2023 - 2025, Chi nhánh định hướng phát triển theo hướng tăng trưởng an toàn, bền vững gắn với nâng cao chất lượng cho vay và kiểm soát rủi ro.

Thứ nhất, Chi nhánh tiếp tục mở rộng cho vay SXKD theo hướng chú trọng chất lượng. Ưu tiên khách hàng có phương án SXKD khả thi, nhu cầu vốn rõ ràng và lịch sử tín dụng tốt. Đồng thời, đẩy mạnh chuyển đổi số thông qua OCB OMNI và định danh điện tử nhằm rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ và nâng cao hiệu quả quản lý khoản vay.

Thứ hai, Chi nhánh định hướng nâng cao chất lượng công tác thẩm định và giám sát sau cho vay theo hướng đánh giá năng lực tài chính và khả năng trả nợ thực tế của khách hàng. Điều này giúp Chi nhánh để chủ động nhận diện sớm được các rủi ro tiềm ẩn ảnh hưởng đến chất lượng tín dụng. Bên cạnh đó, hoạt động kiểm tra sau giải ngân cần được thực hiện thường xuyên và chặt chẽ hơn để kịp thời triển khai các biện pháp cảnh báo, hỗ trợ hoặc xử lý phù hợp nếu có nguy cơ phát sinh nợ xấu.

Thứ ba, Chi nhánh định hướng chuyển từ phương thức tiếp thị thụ động sang chủ động tiếp cận khách hàng tại địa bàn thông qua việc tăng cường khảo sát thực tế, kết hợp giữa hoạt động tiếp thị trực tiếp và truyền thông trực tuyến. Đồng thời, Chi nhánh cần nâng cao sự phối hợp giữa các bộ phận trong nội bộ nhằm mở rộng khả năng giới thiệu và khai thác khách hàng tiềm năng đối với các sản phẩm cho vay SXKD.

Thứ tư, Chi nhánh định hướng tăng cường đào tạo cán bộ tín dụng về thẩm định, nhận diện rủi ro và chăm sóc khách hàng nhằm nâng cao chất lượng cho vay SXKD. Ngoài ra, cơ chế đánh giá hiệu quả công việc cần được điều chỉnh theo hướng gắn kết giữa chỉ tiêu tăng trưởng dư nợ với chất lượng quản lý khoản vay và khả năng thu hồi nợ. Qua đó, nâng cao trách nhiệm của cán bộ và đảm bảo tăng trưởng cho vay đi đôi với kiểm soát rủi ro.

3.2. Một số giải pháp nhằm mở rộng hoạt động cho vay SXKD tại Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng

Trên cơ sở những kết quả đạt được, các hạn chế còn tồn tại và định hướng phát triển hoạt động cho vay SXKD trong giai đoạn tiếp theo, Chi nhánh cần triển khai đồng bộ các giải pháp phù hợp nhằm vừa mở rộng quy mô cho vay, vừa đảm bảo kiểm soát chất lượng khoản vay và hạn chế rủi ro phát sinh.

3.2.1. Nâng cao hiệu quả kiểm soát nợ xấu trong hoạt động cho vay SXKD

Trong thời gian tới, Chi nhánh cần tăng cường kiểm soát chất lượng cho vay ngay từ giai đoạn trước và trong quá trình cho vay nhằm hạn chế phát sinh các khoản vay có mức độ rủi ro cao.

Đối với các khách hàng hoạt động trong lĩnh vực chịu nhiều biến động như thương mại, xuất khẩu, cán bộ tín dụng cần đánh giá kỹ hơn khả năng cân đối dòng tiền, mức độ ổn định doanh thu và khả năng chịu tác động trước biến động của thị trường. Chi nhánh cũng cần thường xuyên rà soát định kỳ các khoản vay có dấu hiệu tiềm ẩn rủi ro như doanh thu sụt giảm, chậm thanh toán lãi 1 - 5 ngày hoặc phát sinh khó khăn trong hoạt động SXKD để kịp thời làm việc với khách hàng và đưa ra biện pháp xử lý phù hợp.

Đối với khách hàng gặp khó khăn tạm thời nhưng vẫn có khả năng phục hồi hoạt động kinh doanh, cán bộ quan hệ khách hàng cần hướng dẫn khách hàng hoàn thiện hồ sơ chứng minh khó khăn, lập tờ trình báo cáo Ban Giám đốc Chi nhánh để đề xuất Hội sở xem xét áp dụng các biện pháp hỗ trợ phù hợp như cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định của NHNN.

Ngoài ra, Chi nhánh cần tăng cường phối hợp giữa bộ phận tín dụng và bộ phận quản lý nợ trong việc theo dõi và xử lý các khoản vay có dấu hiệu suy giảm chất lượng. Việc chủ động kiểm soát rủi ro ngay từ giai đoạn đầu sẽ giúp hạn chế tình trạng khoản vay chuyển sang nhóm nợ xấu và giảm áp lực xử lý nợ trong tương lai.

3.2.2. Hoàn thiện công tác thẩm định và nâng cao chất lượng đánh giá dòng tiền khách hàng

Trong công tác thẩm định cho vay SXKD, bên cạnh việc phân tích báo cáo tài chính và TSĐB, Chi nhánh cần tiếp tục hoàn thiện quy trình đánh giá theo hướng tăng cường đối chiếu và kiểm chứng thông tin từ nhiều nguồn, nhằm hạn chế rủi ro phát sinh do đánh giá chưa đầy đủ hoặc mang tính chủ quan.

Đối với nhóm KHCN, đặc biệt là khách hàng kinh doanh trên các nền tảng thương mại điện tử, cần chuẩn hoá việc thu thập hồ sơ theo từng nhóm ngành nghề, đồng thời khai thác thêm dữ liệu giao dịch tài khoản, doanh thu thanh toán điện tử và dòng tiền phát sinh thực tế để phục vụ thẩm định.

Đối với nhóm KHDN, cần tăng cường phân tích các chỉ tiêu tài chính thực tế như công nợ phải thu, phải trả, vòng quay hàng tồn kho và dòng tiền từ hoạt động kinh doanh. Đồng thời, đối chiếu với dữ liệu giao dịch tài khoản thanh toán tại Ngân hàng để đánh giá mức độ minh bạch và sự tương thích giữa dòng tiền thực tế và số liệu kế toán.

Trường hợp dữ liệu tài chính của khách hàng chưa phản ánh đầy đủ dòng tiền thực tế, cán bộ tín dụng cần khai thác bổ sung các nguồn thông tin như hoá đơn đầu vào, đầu ra và các chứng từ thể hiện dòng tiền định kỳ, qua đó nâng cao độ chính xác trong đánh giá khả năng tạo dòng tiền và trả nợ của khách hàng. Ngoài việc đánh giá số liệu hiện tại, tờ trình thẩm định cần bổ sung phân tích khả năng chịu đựng tài chính của phương án kinh doanh thông qua các kịch bản giả định như suy giảm doanh thu hoặc biến động chi phí. Qua đó, Chi nhánh có thể đánh giá đầy đủ hơn mức độ an toàn tín dụng và khả năng trả nợ của khách hàng.

3.2.3. Tăng cường giám sát sau vay và nâng cao hiệu quả cảnh báo rủi ro sớm

Chi nhánh cần tăng cường ứng dụng công nghệ trong công tác quản lý khoản vay thông qua việc cập nhật dữ liệu theo dõi khách hàng trên hệ thống nội bộ và OCB OMNI. Định kỳ hàng tuần, bộ phận quản lý khoản vay cần thực hiện rà soát các báo cáo cảnh báo từ hệ thống quản lý nội bộ để nhận diện sớm các khoản vay có dấu hiệu suy giảm chất lượng. Các dữ liệu này không chỉ phục vụ công tác theo dõi và nhắc nợ mà còn cần được tổng hợp, phân tích theo từng nhóm ngành nghề và phân khúc khách hàng nhằm đánh giá xu hướng biến động dòng tiền và chất lượng cho vay tại Chi nhánh.

Bên cạnh đó, Ban Giám đốc Chi nhánh cũng cần tổ chức các buổi họp chuyên đề mỗi quý để đánh giá tác động của các yếu tố kinh tế tại khu vực miền Trung và Đà Nẵng gây ảnh hưởng khả năng trả nợ của khách hàng. Khi phát hiện các dấu hiệu rủi ro vượt quá phạm vi xử lý tại Chi nhánh, Ban Giám đốc cần chủ động báo cáo và đề xuất Hội sở xem xét điều chỉnh chính sách tín dụng hoặc triển khai các chương trình hỗ trợ phù hợp với tình hình thực tế tại địa bàn. Cơ chế phối hợp này không những

giúp Chi nhánh nâng cao hiệu quả kiểm soát rủi ro mà còn hạn chế nguy cơ phát sinh nợ xấu trong tương lai.

3.2.4. Nâng cao hiệu quả marketing và mở rộng tìm kiếm khách hàng tiềm năng

Để mở rộng tệp khách hàng nhưng vẫn đảm bảo chất lượng cho vay, Chi nhánh cần tăng cường tìm kiếm và tiếp cận khách hàng tiềm năng thông qua nhiều kênh khác nhau, đồng thời đẩy mạnh phối hợp giữa các bộ phận trong hoạt động bán chéo sản phẩm. Cụ thể, Chi nhánh có thể phân công địa bàn phụ trách cho từng cán bộ cho vay theo định kỳ nhằm chủ động khảo sát thị trường, tìm hiểu nhu cầu vốn và giới thiệu sản phẩm phù hợp đến các nhóm khách hàng mục tiêu. Bên cạnh đó, thông tin khách hàng tiềm năng cần được cập nhật đầy đủ trên hệ thống quản lý khách hàng để thuận tiện cho việc theo dõi và chăm sóc sau này.

Song song với hoạt động tiếp thị trực tiếp, Chi nhánh cần đẩy mạnh truyền thông số thông qua website, fanpage và các nền tảng trực tuyến nhằm quảng bá các sản phẩm cho vay SXKD có ưu đãi về lãi suất, thời gian xử lý hồ sơ nhanh hoặc chính sách vay phù hợp với từng nhóm khách hàng. Ngoài ra, Chi nhánh cần nâng cao hiệu quả bán chéo sản phẩm giữa các bộ phận như huy động vốn, thanh toán và tín dụng nhằm khai thác khách hàng hiện hữu đang có nhu cầu vốn SXKD. Việc tận dụng dữ liệu khách hàng sẵn có sẽ giúp mở rộng tín dụng với chi phí tìm kiếm khách hàng thấp hơn và mức độ rủi ro được kiểm soát tốt hơn.

3.2.5. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ tín dụng và hoàn thiện cơ chế đánh giá hiệu quả công việc

Chất lượng đội ngũ cán bộ có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả thẩm định, quản lý khoản vay và kiểm soát rủi ro tín dụng tại Chi nhánh. Vì vậy, Chi nhánh cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế đào tạo, đánh giá và đãi ngộ theo hướng gắn trách nhiệm của cán bộ với chất lượng các khoản vay được quản lý. Theo đó, Ban Giám đốc và các Trưởng phòng cần duy trì tổ chức các buổi đào tạo, trao đổi nghiệp vụ định kỳ theo tháng hoặc quý đối với cán bộ tín dụng và cán bộ quan hệ khách hàng. Nội dung đào tạo cần tập trung vào các kỹ năng cốt lõi như phân tích dòng tiền, nhận diện rủi ro tín dụng và xử lý các tình huống phát sinh trong thực tiễn. Đồng thời, Chi nhánh có thể sử dụng các hồ sơ phát sinh nợ xấu hoặc các trường hợp bị từ chối phê duyệt làm tình huống điển hình nhằm tăng tính thực tiễn và rút kinh nghiệm trong công tác thẩm định. Sau mỗi chương trình đào tạo, cần thực hiện đánh giá lại năng lực chuyên môn của cán bộ.

Bên cạnh công tác đánh giá, Chi nhánh cần xây dựng cơ chế khen thưởng và xử lý trách nhiệm rõ ràng, minh bạch. Những cán bộ phát triển được tệp khách hàng có chất lượng tốt, duy trì tỷ lệ nợ xấu thấp hoặc tích cực trong hoạt động bán chéo sản phẩm cần được ghi nhận và có chính sách khuyến khích phù hợp. Ngược lại, đối với các trường hợp phát sinh rủi ro do nguyên nhân chủ quan như vi phạm quy trình thẩm định hoặc thiếu giám sát sau cho vay, Chi nhánh cần áp dụng biện pháp xử lý tương ứng nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm và hạn chế tình trạng ưu tiên tăng trưởng dư nợ nhưng chưa chú trọng đầy đủ đến chất lượng khoản vay.

3.3. Một số kiến nghị

3.3.1. Kiến nghị đối với Ngân hàng Nhà nước (NHNN)

Thứ nhất, NHNN cần tiếp tục điều hành chính sách lãi suất theo hướng linh hoạt và phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô nhằm hỗ trợ giảm chi phí vốn cho các NHTM, qua đó góp phần hạ mặt bằng lãi suất cho vay đối với khách hàng SXKD. Đồng thời, NHNN cần xem xét duy trì hoặc gia hạn các cơ chế hỗ trợ như cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ đối với khách hàng gặp khó khăn tạm thời nhưng vẫn có khả năng phục hồi hoạt động SXKD. Điều này sẽ giúp giảm áp lực tài chính cho khách hàng và hạn chế gia tăng nợ xấu trong hệ thống Ngân hàng.

Thứ hai, NHNN cần tiếp tục nâng cấp hệ thống thông tin tín dụng quốc gia (CIC) theo hướng mở rộng phạm vi và chất lượng dữ liệu. Bên cạnh các thông tin tín dụng truyền thống, cần từng bước bổ sung dữ liệu phản ánh dòng tiền và hành vi tài chính của khách hàng, đồng thời tăng cường tích hợp dữ liệu từ thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử, POS và hoá đơn điện tử. Qua đó, hỗ trợ các NHTM nâng cao độ chính xác trong công tác thẩm định và đánh giá khả năng trả nợ thực tế của khách hàng.

Thứ ba, NHNN cần tăng cường cơ chế giám sát và cảnh báo sớm rủi ro tín dụng trên phạm vi toàn hệ thống Ngân hàng thông qua việc xây dựng các bộ chỉ báo rủi ro theo ngành nghề, nhóm khách hàng và xu hướng thị trường. Việc nâng cao hiệu quả cảnh báo sớm sẽ giúp các NHTM chủ động hơn trong công tác quản trị rủi ro, kịp thời phát hiện các dấu hiệu suy giảm chất lượng tín dụng.

Thứ tư, NHNN cần tiếp tục hoàn thiện hành lang pháp lý đối với hoạt động cho vay điện tử nhằm tạo cơ sở pháp lý thống nhất cho các NHTM trong quá trình chuyển đổi số. Trong đó, cần quy định rõ việc sử dụng dữ liệu thay thế trong thẩm định tín

dụng, đồng thời chuẩn hoá các quy định liên quan đến hợp đồng điện tử, chữ ký số và phương thức xác thực giao dịch nhằm nâng cao tính an toàn và hiệu quả trong hoạt động cấp tín dụng.

3.3.2. Kiến nghị đối với Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng

Thứ nhất, Chi nhánh cần tiếp tục mở rộng cho vay SXKD theo hướng thận trọng và bền vững, ưu tiên các khách hàng có phương án SXKD khả thi, dòng tiền ổn định và lịch sử tín dụng tốt. Đồng thời, cần tăng cường rà soát và theo dõi các khoản vay có dấu hiệu tiềm ẩn rủi ro nhằm hạn chế phát sinh nợ xấu, nâng cao chất lượng tín dụng và hiệu quả thu hồi nợ.

Thứ hai, Chi nhánh cần nâng cao chất lượng công tác thẩm định và quản trị rủi ro tín dụng theo hướng giảm dần sự phụ thuộc vào TSDB, đồng thời chú trọng hơn đến việc đánh giá dòng tiền và khả năng trả nợ thực tế của khách hàng. Bên cạnh đó, cần tăng cường giám sát sau cho vay, chủ động phát hiện sớm các dấu hiệu suy giảm khả năng tài chính của khách hàng và phối hợp với Hội sở trong công tác cảnh báo rủi ro tín dụng.

Thứ ba, Chi nhánh cần chủ động đề xuất Hội sở đầu tư và nâng cấp các nền tảng công nghệ phục vụ quản lý khoản vay, cảnh báo rủi ro và theo dõi khách hàng nhằm nâng cao hiệu quả quản trị tín dụng. Đồng thời, cần tăng cường ứng dụng công nghệ trong việc theo dõi khoản vay và nhắc nợ tự động nhằm nâng cao hiệu quả quản lý tín dụng.

Thứ tư, Chi nhánh cần tăng cường hoạt động khảo sát thị trường và chủ động tiếp cận khách hàng tiềm năng thông qua việc kết hợp giữa tiếp thị trực tiếp, truyền thông số và bán chéo sản phẩm. Đồng thời, cần khai thác hiệu quả dữ liệu khách hàng hiện hữu nhằm mở rộng tệp khách hàng SXKD nhưng vẫn đảm bảo kiểm soát tốt chất lượng tín dụng.

Thứ năm, Chi nhánh cần tiếp tục hoàn thiện công tác đào tạo và đánh giá đội ngũ cán bộ tín dụng theo hướng gắn trách nhiệm của cán bộ với chất lượng khoản vay được quản lý. Nội dung đào tạo cần tập trung vào kỹ năng phân tích dòng tiền, nhận diện rủi ro và giám sát sau cho vay. Đồng thời, cơ chế đánh giá hiệu quả công việc cần cân bằng giữa chỉ tiêu tăng trưởng dư nợ và chất lượng tín dụng nhằm nâng cao hiệu quả kiểm soát rủi ro trong hoạt động cho vay SXKD.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Chương 3 đã đề xuất được các nội dung nhằm khắc phục những hạn chế còn tồn tại trong hoạt động cho vay SXKD của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng. Trên cơ sở định hướng tăng trưởng an toàn, bền vững gắn với nâng cao chất lượng tín dụng và đẩy mạnh chuyển đổi số, chương 3 tập trung vào việc hoàn thiện công tác thẩm định, tăng cường kiểm soát nợ xấu, nâng cao hiệu quả giám sát sau vay, mở rộng tìm kiếm khách hàng tiềm năng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ tín dụng. Qua đó góp phần mở rộng hoạt động cho vay SXKD đi đôi với kiểm soát rủi ro và nâng cao hiệu quả quản lý tín dụng tại Chi nhánh. Bên cạnh các nội dung trên, chương 3 cũng đưa ra một số đề xuất đối với NHNN và Chi nhánh nhằm hỗ trợ hoạt động cho vay SXKD phát triển hiệu quả hơn trong thời gian tới.

KẾT LUẬN

Hoạt động cho vay SXKD luôn giữ vai trò quan trọng đối với các NHTM, không chỉ góp phần tạo nguồn thu nhập cho Ngân hàng mà còn hỗ trợ khách hàng bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh và thúc đẩy phát triển kinh tế. Xuất phát từ thực tế đó, đề tài “Giải pháp mở rộng hoạt động cho vay SXKD tại Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng” được thực hiện nhằm nghiên cứu và đánh giá thực trạng hoạt động cho vay SXKD của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn 2023 - 2025.

Thông qua quá trình nghiên cứu, đề tài đã hệ thống hoá những vấn đề lý luận cơ bản liên quan đến hoạt động cho vay SXKD và mở rộng hoạt động cho vay SXKD tại NHTM. Đồng thời, đề tài đã tiến hành phân tích thực trạng hoạt động cho vay SXKD của Chi nhánh trong giai đoạn 2023 - 2025.

Kết quả cho thấy hoạt động cho vay SXKD của Chi nhánh trong thời gian qua đã đạt được một số kết quả tích cực như quy mô cho vay có xu hướng tăng trưởng, chất lượng tín dụng cơ bản được kiểm soát và hoạt động cho vay ngày càng được chú trọng. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động cho vay SXKD của Chi nhánh vẫn còn tồn tại một số hạn chế như khả năng tiếp cận khách hàng tiềm năng còn hạn chế, hoạt động marketing chưa thực sự hiệu quả, công tác giám sát sau cho vay còn gặp khó khăn và chất lượng tín dụng vẫn chịu ảnh hưởng bởi biến động của thị trường và nền kinh tế. Trên cơ sở đó, đề tài đã đề xuất một số giải pháp như nâng cao chất lượng thẩm định và quản lý khoản vay, đẩy mạnh hoạt động marketing và phát triển khách hàng, tăng cường ứng dụng công nghệ số cũng như nâng cao hiệu quả kiểm soát rủi ro tín dụng nhằm góp phần mở rộng hoạt động cho vay SXKD tại Chi nhánh trong thời gian tới.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong quá trình nghiên cứu và thực hiện đề tài, tuy nhiên do hạn chế về thời gian, kinh nghiệm thực tiễn nên khoá luận khó tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp từ Quý Thầy Cô để đề tài được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn Cô Nguyễn Thị Ngọc cùng Ban lãnh đạo và các anh/chị tại Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng đã tận tình hướng dẫn, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho em trong suốt quá trình học tập, thực tập và hoàn thành khoá luận tốt nghiệp này.

PHỤ LỤC
QUY TRÌNH CHO VAY SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA NGÂN HÀNG
TMCP PHƯƠNG ĐÔNG - CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

Bước 1: Tiếp nhận và hướng dẫn khách hàng lập hồ sơ vay vốn

Ngân hàng chủ động tìm kiếm, tiếp cận và tư vấn các khách hàng có nhu cầu vay vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, bao gồm khách hàng cá nhân (KHCH) và khách hàng doanh nghiệp (KHCH). Sau khi tiếp nhận nhu cầu vay vốn, cán bộ tín dụng tiến hành thu thập thông tin ban đầu và hướng dẫn khách hàng chuẩn bị hồ sơ theo quy định. Tùy theo từng đối tượng khách hàng, hồ sơ vay vốn được phân loại cụ thể như sau:

▸ **Đối với KHCH**

- Hồ sơ pháp lý:

- + Căn cước công dân của khách hàng và vợ/chồng (nếu có).
- + Giấy đăng ký kết hôn hoặc xác nhận độc thân.

- Hồ sơ tài chính:

+ Thu nhập từ tiền lương: Sao kê lương 06 tháng gần nhất, hợp đồng lao động, bảo hiểm xã hội.

+ Thu nhập từ kinh doanh:

Có GPKD: Giấy phép đăng ký kinh doanh, hình ảnh cơ sở kinh doanh (biển hiệu, hàng hóa, kho...), sổ sách ghi chép, sao kê tài khoản kinh doanh 12 tháng gần nhất, dữ liệu phần mềm bán hàng (nếu có).

Không có GPKD: Giấy xác nhận kinh doanh của cơ quan có thẩm quyền, kèm các minh chứng tương tự.

+ Thu nhập từ cho thuê tài sản:

Bất động sản: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hợp đồng cho thuê, chứng từ thanh toán, hình ảnh tài sản.

Phương tiện: Giấy đăng ký xe, hợp đồng cho thuê và chứng từ liên quan.

+ Thu nhập từ góp vốn, chia lợi nhuận: Hồ sơ pháp lý doanh nghiệp, xác nhận tỷ lệ góp vốn, chứng từ phân chia lợi nhuận và nghĩa vụ thuế.

- Hồ sơ phương án vay vốn:

- + Giấy đề nghị vay vốn.
- + Hợp đồng mua bán, đặt cọc (nếu có).

- + Bảng kê hoạt động kinh doanh, nguồn thu và phương án trả nợ.

- Hồ sơ tín dụng:

- + Tra cứu CIC khách hàng và bên liên quan.

- + Lịch sử tín dụng, hợp đồng vay và xác nhận tất toán (nếu có).

- Hồ sơ tài sản bảo đảm:

- + Giấy tờ sở hữu tài sản.

- + Hợp đồng mua bán, biên bản định giá tài sản.

▸ Đối với KHDN

- Hồ sơ pháp lý:

- + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- + Điều lệ công ty, quyết định bổ nhiệm người đại diện pháp luật.

- Hồ sơ tài chính:

- + Báo cáo tài chính các năm gần nhất.

- + Báo cáo thuế, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- + Sao kê tài khoản ngân hàng, hoá đơn đầu vào/đầu ra, hợp đồng kinh tế.

- Hồ sơ phương án vay vốn:

- + Giấy đề nghị vay vốn.

- + Phương án sản xuất kinh doanh hoặc dự án đầu tư.

- + Kế hoạch dòng tiền, doanh thu, chi phí và nguồn trả nợ.

- Hồ sơ tín dụng:

- + Tra cứu CIC doanh nghiệp và các cá nhân liên quan.

- + Lịch sử tín dụng, dư nợ tại các tổ chức tín dụng khác.

- Hồ sơ tài sản bảo đảm:

- + Giấy tờ sở hữu tài sản bảo đảm của doanh nghiệp hoặc bên thứ ba.

- + Hồ sơ định giá tài sản.

Việc hướng dẫn khách hàng chuẩn bị đầy đủ và chính xác hồ sơ ngay từ bước đầu giúp ngân hàng có cơ sở đánh giá toàn diện năng lực tài chính, khả năng trả nợ và mức độ rủi ro của khoản vay, đồng thời rút ngắn thời gian xử lý và nâng cao hiệu quả cấp tín dụng.

Bước 2: Thẩm định khách hàng và phương án vay vốn

Sau khi tiếp nhận hồ sơ, Ngân hàng tiến hành thẩm định nhằm đánh giá toàn diện khách hàng và phương án vay vốn. Trước hết, ngân hàng kiểm tra tính hợp lệ của hồ

sơ pháp lý, đồng thời tra cứu thông tin trên hệ thống CIC để đánh giá lịch sử tín dụng và mức độ uy tín của khách hàng. Sau đó tiến hành phân tích tình hình tài chính thông qua thu nhập, dòng tiền, doanh thu, lợi nhuận cũng như các khoản phải thu, phải trả.

Ngân hàng cũng đồng thời xem xét khả năng tạo ra dòng tiền trong tương lai nhằm đảm bảo khách hàng có đủ khả năng trả nợ gốc và lãi đúng hạn. Đối với các khoản vay có tài sản đảm bảo, ngân hàng tiến hành kiểm tra tính pháp lý, quyền sở hữu và định giá tài sản theo giá thị trường để làm căn cứ cấp tín dụng. Ngoài ra, các yếu tố bên ngoài như điều kiện thị trường, ngành nghề kinh doanh và mức độ cạnh tranh cũng được xem xét nhằm đánh giá tác động đến khả năng trả nợ.

Bước 3: Kiểm soát hồ sơ vay vốn và báo cáo thẩm định

Sau quá trình thẩm định, toàn bộ hồ sơ được rà soát lại nhằm đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và phù hợp với quy định nội bộ. Cán bộ tín dụng lập báo cáo thẩm định, trong đó trình bày kết quả phân tích, đánh giá mức độ rủi ro, khả năng trả nợ và đề xuất phương án cho vay cụ thể về hạn mức, thời hạn, lãi suất cũng như các điều kiện kèm theo. Bước này giúp chuẩn hoá thông tin trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét, đảm bảo tính minh bạch và nhất quán trong quá trình ra quyết định.

Bước 4: Phê duyệt khoản vay

Ngân hàng tiến hành xem xét và đưa ra quyết định cho vay dựa trên báo cáo thẩm định và các quy định hiện hành. Quyết định phê duyệt phải cân đối giữa mục tiêu mở rộng tín dụng và kiểm soát rủi ro. Nếu đánh giá không chính xác, Ngân hàng có thể đối mặt với nguy cơ phát sinh nợ xấu hoặc thất thoát vốn. Ngược lại, việc quá thận trọng có thể làm mất đi cơ hội hợp tác với khách hàng tiềm năng. Do đó, việc phê duyệt được thực hiện trên cơ sở đánh giá tổng hợp nhiều yếu tố như năng lực tài chính, hiệu quả phương án kinh doanh, dòng tiền và điều kiện thị trường.

Bước 5: Ký kết hợp đồng và giải ngân

Sau khi khoản vay được phê duyệt, Ngân hàng và khách hàng tiến hành ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm và các văn bản liên quan. Trước khi giải ngân, Ngân hàng kiểm tra lại các điều kiện vay vốn, tính pháp lý của hồ sơ và việc hoàn tất đăng ký giao dịch bảo đảm. Việc giải ngân có thể thực hiện một lần hoặc theo tiến độ, đồng thời Ngân hàng áp dụng các biện pháp kiểm soát nhằm đảm bảo vốn vay được sử dụng đúng mục đích, thông qua việc theo dõi chứng từ và dòng tiền thanh toán.

Bước 6: Giám sát, quản lý và thu hồi nợ sau khi cho vay

Sau khi giải ngân, Ngân hàng thực hiện giám sát chặt chẽ quá trình sử dụng vốn vay của khách hàng. Việc giám sát được thực hiện thông qua báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động kinh doanh hoặc kiểm tra thực tế. Ngân hàng tiến hành thu nợ gốc và lãi theo đúng kỳ hạn đã thoả thuận, đồng thời áp dụng các biện pháp như nhắc nợ hoặc trích nợ tự động để hạn chế tình trạng chậm trả.

Trong trường hợp khách hàng gặp khó khăn, Ngân hàng có thể xem xét cơ cấu lại thời hạn trả nợ nhằm hỗ trợ khách hàng ổn định hoạt động. Nếu khoản vay phát sinh rủi ro, các biện pháp xử lý như thu hồi nợ hoặc xử lý tài sản đảm bảo sẽ được áp dụng để giảm thiểu tổn thất.

Bước 7: Tắt toán và lưu trữ hồ sơ

Khi khách hàng hoàn thành nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng tiến hành tắt toán khoản vay, thanh lý hợp đồng và thực hiện giải chấp tài sản bảo đảm (nếu có). Toàn bộ hồ sơ vay vốn sau đó được lưu trữ theo quy định nhằm phục vụ công tác kiểm tra, đối chiếu và làm cơ sở đánh giá lịch sử tín dụng của khách hàng trong các lần vay tiếp theo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. PGS.TS. Trầm Thị Xuân Hương, Th.S Hoàng Thị Minh Ngọc (2012). Giáo trình nghiệp vụ Ngân hàng Thương mại (Tái bản lần thứ nhất). TP. Hồ Chí Minh, NXB Kinh tế.
2. Bài giảng môn Quản trị NHTM của Th.S Phan Thoại Chiêu, Khoa Kinh tế, Ngành Tài chính - Ngân hàng, Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng.
3. Vũ Thị Hồng Nga (2022). “*Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Thương mại*”. Tạp chí Kinh doanh và Công nghệ, số 18, tr. 41.
4. Trần Thảo Lê (2024), *Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động cho vay mua bất động sản tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín*, Luận văn Thạc sĩ ngành Tài chính Ngân hàng, Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.
5. Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 số 32/2024/QH15 của Quốc hội.
6. Thông tư số 31/2024/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
7. Thông tư số 06/2024/TT-NHNN ngày 18 tháng 6 năm 2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2023/TT-NHNN ngày 23 tháng 4 năm 2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc Tổ chức tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn.
8. Văn bản hợp nhất 21/VBHN-NHNN năm 2024 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 16/7/2024.
9. Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB). *Trang thông tin chính thức*. Truy cập từ: <https://ocb.com.vn>.
10. Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng. *Kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn 2023 - 2025*. Tài liệu nội bộ.
11. Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đà Nẵng (2025). *Sơ đồ cơ cấu tổ chức*. Tài liệu nội bộ.